

## **Bài dạy:**

### **Phần thứ 1. Khái niệm chung về giao tiếp, ứng xử**

#### **CHƯƠNG 1: GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ**

(TS: 04 LT; 01 TH)

#### **A. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Qua bài giảng, sinh viên nắm được những hiểu biết cơ bản về lý luận giao tiếp và ứng xử.
- Nắm được những đặc trưng người được hình thành trong quá trình ứng xử giữa cha mẹ và con cái, giữa trẻ với những người xung quanh

##### **2. Kỹ năng**

- Sinh viên có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong cuộc sống hàng ngày
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng thảo luận nhóm

##### **3. Thái độ**

- Sinh viên có ý thức học tập một cách nghiêm túc, tích cực phát biểu, trao đổi, thảo luận những vấn đề có liên quan đến nội dung bài học
- Có ý thức tu dưỡng bản thân để có kỹ năng giao tiếp và ứng xử

#### **B. Chuẩn bị**

##### **1. Giảng viên**

- Giáo trình, giáo án, sổ kế hoạch...
- Tài liệu chính: Ngô Công Hoàn (1997), Giao tiếp và ứng xử sư phạm, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
- Tài liệu tham khảo:
  - + Nguyễn Thị Hòa (2013), Giáo dục học mầm non, NXB đại học sư phạm Hà Nội
  - + Nguyễn Ánh Tuyết (2008), Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội

##### **2. Người học**

- Tài liệu:
  - + Giáo trình chính (bắt buộc)
  - + Giáo trình, tài liệu tham khảo (Nếu có)
- Đồ dùng học tập: Bút, vở ghi

#### **C. Phương pháp, phương tiện dạy học**

\* Phương pháp dạy học:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp đàm thoại, trao đổi
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

\* Phương tiện dạy học: Giáo án, sổ kế hoạch, bảng phấn, máy chiếu...

#### **D. Nội dung bài giảng**

<b>Hoạt động của GV và Người học</b>	<b>Nội Dung</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV thuyết trình về vai trò của giao tiếp, ứng xử dẫn dắt vào nội</li></ul>	<b>Phần thứ 1: Khái niệm chung về giao tiếp, ứng xử</b> <b>Chương 1. Giao tiếp và ứng xử</b>

<p>dung chương 1. - SV lắng nghe và lĩnh hội</p> <p>GV: Chia lớp thành 4 tổ cho sinh viên thảo luận nhóm: Nội dung thảo luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tìm hiểu định nghĩa giao tiếp theo các hướng nghiên cứu khác nhau.</li> <li>2. Tìm hiểu những dấu hiệu cơ bản của định nghĩa giao tiếp theo quan điểm của tâm lý học nói chung</li> </ol> <p>SV thảo luận và cử đại diện lên trình bày ý kiến, các nhóm bổ sung GV nhận xét và kết luận</p>	<p><b>I. Giao tiếp và ứng xử</b> <i>1. Các định nghĩa về giao tiếp</i> * Các hướng nghiên cứu và định nghĩa giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc độ nghiên cứu tâm lý đại cương. TS. Phạm Minh Hạc “giao lưu” là hoạt động xác lập và vận hành các quan hệ người – người để hiện thực hóa các quan hệ xã hội giữa người ta với nhau.</li> <li>- Góc độ nghiên cứu tâm lý trị liệu B.S Nguyễn Khắc Viện định nghĩa giao tiếp là sự trao đổi giữa người và người thông qua ngôn ngữ nói, viết, cử chỉ...</li> <li>- B. ph. lomov nhà tâm lý học người nga, coi giao tiếp là phạm trù cơ bản của tâm lý học hiện đại, là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với tư cách là chủ thể</li> <li>- V.N. Miachixev xét giao tiếp dưới góc độ nhân cách bệnh cho rằng: giao tiếp là một quá trình quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa các nhân cách cụ thể</li> <li>- B. Parughin nhà tâm lý học xã hội nga: Giao tiếp là một quá trình quan hệ tác động giữa các cá thể, là quá trình thông tin quan hệ giữa con người với con người, là quá trình hiểu biết lẫn nhau ảnh hưởng lẫn nhau và trao đổi cảm xúc lẫn nhau</li> <li>- Georgen Thiner và cộng sự: giao tiếp được coi là sự truyền đạt thông tin,</li> <li>- J. P. Gruere (1982) đã nêu một định nghĩa có tính chất vật lý “sự giao tiếp là một quá trình chuẩn trong đó một thông điệp được chuyển tải từ một bộ phát mới tới một bộ thu, thông qua một chuỗi các yếu tố được coi là nguồn, kênh, địa chỉ...</li> </ul> <p><i>* Những dấu hiệu cơ bản của định nghĩa giao tiếp theo quan điểm của tâm lý học nói chung</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giao tiếp bao giờ cũng được cá nhân thực hiện</li> <li>2. Giao tiếp nhất thiết được thực hiện trong một quan hệ xã hội nhất định như mẹ - con, chồng- vợ, thủ trưởng- nhân viên, thầy- trò</li> <li>3. Giao tiếp giữa con người với con người bao giờ cũng có mục đích nội dung, do vậy</li> </ol>
---	--



<p>GV: Cho sv thảo luận nhóm</p> <p>Nội dung thảo luận: trình bày những đặc trưng người được hình thành trong quá trình ứng xử giữa cha mẹ và con cái, giữa trẻ với những người xung quanh</p> <p>Sv: Các nhóm thảo luận, cử đại diện trình bày</p> <p>Gv: Nhận xét, chốt lại vấn đề</p>	<p>dung tâm lý hơn là những nội dung công việc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong ứng xử người ta quan tâm cả cái ý thức và cái vô thức</li> <li>+ Ứng xử thường mang tính chất tình huống.</li> </ul> <p>Do vậy. Ứng xử là một tình huống thông minh hoặc xuất chúng, hoặc đại khờ trong quá trình giao tiếp</p> <p><u>Kết luận:</u> Ứng xử là những phản ứng, hành vi của con người nảy sinh trong quá trình giao tiếp, do những rung cảm cá nhân kích thích nhằm lĩnh hội truyền đạt những tri thức, vốn sống kinh nghiệm của cá nhân, xã hội trong những tình huống nhất định.</p> <p><b>II. Ứng xử hình thành những đặc trưng con người</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điều kiện vật chất để đứa trẻ có thể nói được: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hệ thống, cơ trong khoang miệng toàn vẹn. Các cơ này phải được hoạt động như hôn, liếm, ngậm, thối... làm hoạt hóa hệ thống cơ này, theo cách vận động của con người.</li> <li>+ Có thính giác hoạt động tốt, nghĩa là cấu tạo và chức năng hoạt động của tai bình thường, phải được những kích thích âm thanh ngôn ngữ tác động</li> </ul> </li> <li>* Ngoài ra trẻ phải được tiếp xúc, ứng xử cùng với người lớn trong các nhóm xã hội khác nhau. <b><i>Những đặc trưng người được hình thành trong quá trình ứng xử giữa cha mẹ và con cái, giữa trẻ với những người xung quanh: ( có 8 đặc trưng)</i></b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Họ và tên đứa trẻ. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đây là một dấu hiệu điều kiện của con người do người lớn, cha mẹ đặt cho trẻ</li> <li>+ Chỉ có con người mới có họ và tên gọi riêng cho từng người</li> <li>+ Họ và tên bao hàm nhiều ý nghĩa: về tâm lý xã hội chỉ nguồn gốc xã hội ra đời của đứa trẻ; về tâm lý cá nhân chỉ sự khác biệt giữa các cá nhân về tâm lý</li> <li>+ Họ và tên người việt có 5 chức năng: chức năng phân biệt (người này với người khác),</li> </ul> </li> </ol> </li> </ul>
--	---

	<p>chức năng biệt giới (nam, nữ), chức năng thẩm mỹ, chức năng bảo vệ (sức khỏe và an toàn), chức năng xã hội (phân biệt sang hèn)</p> <p>2. Những cảm xúc của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những sắc thái xúc cảm của con người rất tinh tế, chỉ được hình thành trong ứng xử với mẹ, người lớn xung quanh</li> <li>- Việc thỏa mãn nhu cầu sinh học tạo ra những rung cảm dễ chịu, không thỏa mãn chúng, những rung cảm khó chịu xuất hiện</li> </ul> <p>3. Sự vận động các tư thế của con người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhờ có sự ứng xử tiếp xúc với mẹ, người lớn xung quanh thì những tư thế sẽ được định hướng tới đáng đi thẳng theo đáng của người</li> </ul> <p>4. Những thao tác vận động tinh khéo của con người ra đời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết kiểm soát cử động của mắt rồi mới tới cử động các ngón tay, biết điều khiển sự thăng bằng của đầu rồi đến toàn cơ thể; trẻ biết nắm bằng cả bàn tay rồi biết cầm thìa, đưa bằng các ngón tay, biết đập mạnh rồi sau mới đẩy nhẹ...biết tháo lắp đồ chơi...</li> </ul> <p>5. Ngôn ngữ nói</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiếp xúc ứng xử với người lớn thì thính giác của trẻ không phát triển theo định hướng thính giác của con người. Ban đầu trẻ chưa làm chủ được âm thanh của mình, nhiều lần phát âm, được cha mẹ khuyến khích động viên...khoảng 15 tháng trẻ đã biết sử dụng âm thanh của chính mình ứng xử với người lớn...</li> </ul> <p>6. Nhiều chức năng tâm lý bậc cao xuất hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý thức- là năng lực làm chủ hành vi cử động của trẻ từ trong vui chơi tiếp xúc ứng xử với người lớn xung quanh trẻ nhận thức được nhiều sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội</li> <li>- Ý thức ra đời 1 một sự phát triển mới, hướng trẻ chủ động đi vào các quan hệ người tiếp thu lĩnh hội các kiểu hành vi người trong các tình huống khác nhau mà mẫu hình các kiểu hành vi này do người lớn thể hiện trong ứng xử với trẻ</li> </ul>
--	--

<p>GV: Cho biết các căn cứ để xác định chức năng ứng xử và giao tiếp?</p>	<p>Do vậy: xây dựng ý thức cho trẻ chính là xây dựng thói quen hành vi ổn định cho trẻ. Đây là đặc trưng con người cơ bản nhờ đó mà tư duy, trí tuệ con người cũng được hình thành và phát triển</p> <p>7. Tư duy ngôn ngữ, tư duy trừu tượng.</p> <p>Từ hoạt động vui chơi với đồ vật dưới sự hướng dẫn của người lớn đến cách ứng xử trong các quan hệ người. Cách phản ứng của trẻ dần dần khuôn theo cách ứng xử thể của con người. Trong khi ứng xử trẻ đặt nhiều câu hỏi để tìm hiểu.</p> <p>=&gt; Đây là đặc trưng quan trọng chỉ có ở con người, phải thông qua ứng xử với người lớn xung quanh, tư duy ngôn ngữ mới phát triển và hoàn thiện</p> <p>8. Lao động hình thành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhờ việc lĩnh hội và sử dụng các công cụ lao động đơn giản và những biểu tượng của chúng được thiết lập không chỉ qua các giác quan mà đặc biệt là thông qua vui chơi trẻ tập sử dụng chúng</li> <li>- Qua ứng xử con người học được những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp nhất định</li> <li>- Lao động là thước đo để đánh giá sự phát triển cơ thể, đời sống tâm lý của mỗi người. mà thước đo này được hình thành trong tiếp xúc, ứng xử với mọi người.</li> </ul> <p><u>Kết luận:</u> - Những đặc trưng của con người được hình thành và phát triển trong tiếp xúc giữa con người với con người trong các quan hệ xã hội. Tách con người ra khỏi quan hệ người, các quan hệ xã hội, các đặc trưng trên không được hình thành, phát triển và hoàn thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đặc trưng trên có liên hệ với nhau rất chặt chẽ, đặc trưng này là tiền đề cho đặc trưng kia phát triển, có lúc cùng nhau phát triển, thúc đẩy lẫn nhau tác động qua lại lẫn nhau tạo thành 1 hoạt động chỉnh thể ở 1 nhân cách phát triển</li> </ul> <p><b>III. Các chức năng ứng xử và giao tiếp</b></p> <p>Khi xét chức năng của giao tiếp, ứng xử giữa con người với con người, người ta có thể xây dựng các căn cứ khoa học khác</p>
---	--

GV: Căn cứ vào mục đích hoạt động có những chức năng cơ bản nào? Trình bày nội dung của chức năng định hướng hoạt động?

SV: Suy nghĩ và trả lời

Gv: cho biết nội dung của chức năng điều khiển, điều chỉnh hành vi hoạt động?

Sv: suy nghĩ và trả lời

nhau:

### 1. Căn cứ vào mục đích hoạt động

- Có 2 chức năng cơ bản

a. Chức năng định hướng hoạt động.

- Đây là chức năng bao quát nhất

- Bất cứ một sự tiếp xúc nào đều cần phải biết mục đích giao tiếp

- Cần phải chú ý đến những thay đổi nhỏ những biểu hiện về hành vi, cử chỉ, thái độ... của chủ thể và đối tượng giao tiếp để có những phản ứng hành vi đáp lại phù hợp

- Nhờ có chức năng định hướng hoạt động mà giáo viên phân loại được các cháu về mọi nội dung bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ, phân loại về sức khỏe, trình độ nhận thức

b. Chức năng điều khiển, điều chỉnh hành vi hoạt động

- Chức năng này thường xuyên sử dụng trong ứng xử với trẻ, nó biểu hiện sự linh hoạt, mềm mại, nhẹ nhàng, chính chuẩn những hành vi của cô khi tiếp xúc với trẻ

\* Ngoài ra đối với nhà trẻ mẫu giáo mục đích giao tiếp ứng xử của cô là bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ. Do đó có thể phân chia như sau:

- Đối với tập thể lớp:

+ Giao tiếp thực hiện chức năng: tổ chức, hướng dẫn hoạt động vui chơi, thông báo, giáo dục thông qua tập thể

+ Cô giáo phân công vai chơi, tổ chức các nhóm chơi

+ Tổ chức các tiết học

+ Xây dựng nếp sống cho trẻ

- Đối với cá nhân trẻ

+ Ứng xử thỏa mãn một nhu cầu nào đó của trẻ

+ Thực hiện chức năng chăm sóc dinh dưỡng vệ sinh, tạo cho trẻ cảm giác an toàn về đời sống

+ Thực hiện chức năng giáo dục bằng tình cảm

- + Xây dựng những thói hành vi cho trẻ

+ Chức năng xây dựng những đặc trưng người và nhân cách

<p>Gv: Căn cứ vào tính chất của hoạt động có mấy chức năng ứng xử và giao tiếp. Trình bày nội dung của từng chức năng? Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p><b>2. Căn cứ vào tính chất của hoạt động</b></p> <p>a. Chức năng truyền tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua tiếp xúc đều có những thông tin mới về phía chủ thể và đối tượng giao tiếp</li> <li>- Đây là chức năng cơ bản, ra đời sớm trong quá trình phát triển chủng loại</li> </ul> <p>b. Chức năng liên kết (nối mạch, tiếp xúc)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chất của chức năng này là con người hợp lại với nhau để cùng làm việc hay còn có khía cạnh khác nhau là tránh cô đơn, tạo cảm giác an toàn</li> </ul> <p>c. Chức năng đồng nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Con người luôn có 2 nhu cầu đối lập nhau là: nhu cầu tự khẳng định mình và nhu cầu đồng nhất mình</li> <li>- Nhu cầu đồng nhất mình với mọi người trong nhóm xã hội, muốn hòa nhập mình vào nhóm xã hội</li> <li>- Giao tiếp là để thể hiện mình, khẳng định cái tôi, bản lĩnh của mình. Nhưng đồng thời cũng chứng minh rằng mình là một thành viên, 1 bộ phận, 1 phần của nhóm xã hội.</li> </ul> <p><u>Kết luận:</u></p> <p>Việc phân chia chức năng giao tiếp ứng xử như trên tùy thuộc vào căn cứ lý luận, mục đích nghiên cứu. Song chức năng trên đều có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong một quá trình giao tiếp. Tùy theo đối tượng, mục đích giao tiếp và chức năng này hoặc chức năng khác chiếm ưu thế.</p>
<p>Gv: chia lớp thành 4 tổ thảo luận nhóm Nội dung thảo luận: Tìm hiểu về các loại giao tiếp Tổ 1+2. Tìm hiểu cách phân loại thứ nhất: Căn cứ vào phương tiện giao tiếp Tổ 3+4. Căn cứ vào khoảng cách giữa đối tượng và chủ thể giao tiếp</p>	<p><b>IV. Các loại giao tiếp</b></p> <p>Có nhiều cách phân loại giao tiếp, cách phân loại chung nhất là căn cứ vào phương tiện giao tiếp và khoảng cách giao tiếp</p> <p><b>1. Căn cứ vào phương tiện giao tiếp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp bằng phương tiện vật chất</li> <li>+ Thông qua các giá trị vật chất mà con người tiếp xúc với nhau, gửi gắm niềm tin nỗi nhớ vào các giá trị vật chất đó</li> <li>+ Thông qua các sản phẩm lao động (tác phẩm văn học, hội họa, nghệ thuật...) mà hiểu nhau, nhận thức về nhau</li> <li>+ Quần áo, tư trang, vật dụng... mà con người sử dụng trong cuộc sống, lao động mà có cách ứng xử phù hợp</li> </ul>



	<p>- Giao tiếp bằng các phương tiện ngôn ngữ</p> <p>+ Phương tiện này chỉ có ở con người và đến 1 thời điểm nhất định đưa trẻ mới xuất hiện ngôn ngữ nói và sử dụng nó để giao tiếp với người xung quanh. Đến 6 – 7 tuổi trẻ sử dụng ngôn ngữ viết trong giao tiếp.</p> <p>+ Giao tiếp ngôn ngữ quan tâm đến nội dung của ngôn ngữ. Đây là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người trong quan hệ người và xã hội. Đây là giao tiếp tín hiệu của tín hiệu, tín hiệu thứ 2.</p> <p>* Để ứng xử với trẻ chuẩn về cách phát âm, ngữ pháp văn phạm của cô giáo cần mẫu mực trong ngôn ngữ giao tiếp với trẻ</p> <p>- Giao tiếp bằng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt, nụ cười, tư thế...)</p> <p>+ Đây là phương tiện giao tiếp chủ yếu của trẻ từ 1 – 4 tuổi, là phương tiện giao tiếp của những người câm điếc</p> <p>+ Hành vi phi ngôn ngữ dùng trong các ứng xử giao tiếp cũng có thể gọi là phương tiện giao tiếp bằng tín hiệu</p> <p><b>2. Căn cứ vào khoảng cách giữa đối tượng và chủ thể giao tiếp</b></p> <p>a. Giao tiếp trực tiếp</p> <p>+ Là quá trình giao tiếp giữa hai hay nhiều người cùng có mặt trong thời gian tiếp xúc</p> <p>+ Giao tiếp trực tiếp có thể mạnh là sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ và điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt, nụ cười để bổ sung, làm cho tiến trình giao tiếp sinh động</p> <p>+ Giao tiếp trực tiếp có đặc trưng linh hoạt mềm dẻo tùy hoàn cảnh điều kiện mà ứng xử phù hợp với đối tượng giao tiếp</p> <p>b. Giao tiếp gián tiếp</p> <p>- Là quá trình giao tiếp mà đối tượng giao tiếp vắng mặt trong thời gian cần tiếp xúc. thực hiện thông qua trung gian</p> <p>- Giao tiếp thường khó khăn hơn vì không có thể mạnh</p> <p>- Đối với người lớn, khoảng cách không gian có ý nghĩa rất lớn trong ứng xử</p> <p>* Ngoài cách phân loại trên trong tâm lý học còn có 2 căn cứ để phân loại giao tiếp</p>
--	---

<p>SV trao đổi thảo luận và trình bày theo nhóm</p> <p>GV nhận xét, kết luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ vào loại tổ chức nhóm xã hội có: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giao tiếp chính thức</li> <li>+ Giao tiếp không chính thức</li> </ul> </li> <li>- Căn cứ vào nội dung giao tiếp mà chủ thể giao tiếp thực hiện <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giao tiếp định hướng xã hội</li> <li>+ Giao tiếp định hướng nhóm</li> <li>+ Giao tiếp định hướng cá nhân</li> </ul> </li> </ul> <p><b>BÀI TẬP THỰC HÀNH THẢO LUẬN</b></p> <p>1. Chứng minh các đặc trưng người thúc đẩy nhau phát triển và đôi khi cùng nhau phát triển</p> <p>2. Chứng minh rằng giao tiếp giữa cô giáo và trẻ thuộc loại giao tiếp giữa những người thân yêu ruột thịt.</p>
--	---

#### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Phân biệt khái niệm giao tiếp và ứng xử
2. Phân tích các chức năng giao tiếp. Rút ra KLSP cần thiết.
3. Đọc trước nội dung của Phần thứ 2, chương 2: ***Quá trình xã hội hóa trẻ em và những đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ lứa tuổi mầm non.***

## **Bài dạy:**

### **Phần thứ 2: Quá trình xã hội hóa trẻ em và những đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ em lứa tuổi mầm non**

#### **CHƯƠNG 2**

#### **QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA TRẺ EM**

(TS: 04 LT)

#### **A. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức:**

- Giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quá trình xã hội hóa trẻ em. Một số khái niệm cơ bản về xã hội hóa, các cơ chế và phương thức xã hội hóa trẻ em.
- Nắm được những thành tựu đạt được trong quá trình xã hội hóa trẻ em từ lọt lòng đến 6 tuổi.

##### **2. Kỹ năng:**

- Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế giáo dục mầm non.
- Rèn luyện và nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

##### **3. Thái độ:**

- Có thái độ học tập và ứng xử lành mạnh tích cực.
- Chủ động học tập và nghiên cứu tài liệu.

#### **B. Chuẩn bị**

##### **1. Giảng viên**

\* Đồ dùng: Giáo án, sổ kế hoạch, đề cương chi tiết học phần...

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính: Ngô Công Hoàn (1997), Giao tiếp và ứng xử sư phạm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

- Tài liệu tham khảo

+ Nguyễn Thị Hòa (2013) Giáo dục học Mầm non, NXB Đại học Sư phạm

+ Nguyễn Ánh Tuyết (2008), Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

##### **2. Người học**

\* Đồ dùng: Bút, vở ghi

\* Tài liệu:

+ Giáo trình chính (bắt buộc)

+ Giáo trình, tài liệu tham khảo (Nếu có)

#### **C. Phương pháp, phương tiện dạy học**

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trao đổi thảo luận

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nhóm

\* Phương tiện dạy học: Giáo án, sổ kế hoạch.

#### **D. Nội dung bài giảng**

<b>HD của GV và Người học</b>	<b>Nội Dung</b>
<b>I. Một số khái niệm cơ bản về xã hội hóa</b> - Giáo viên trình bày khái quát	<b>1. Thế nào là xã hội hóa</b>

<p>một số quan điểm khác nhau về xã hội hóa.</p> <p>- SV lắng nghe</p>	<p>* Theo từ điển TLH tiếng Nga: XHH là quá trình và kết quả mà cá nhân tích cực lĩnh hội và tái tạo những kinh nghiệm xã hội, được thực hiện trong giao tiếp và hoạt động.</p> <p>=&gt; 1. Khái niệm XHH được xem như là một quá trình, nhưng trong các quá trình hoạt động tích cực của cá nhân trong các QHXXH, thì những biểu hiện hành vi của cá nhân được coi là kết quả XHH tại thời điểm đó.</p> <p>Chuẩn mực hành vi XH gồm hai phần rõ nét:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần ổn định</li> <li>+ Phần linh hoạt mềm dẻo, cơ động</li> </ul> <p>=&gt; 2. XHH là hoạt động tích cực của cá nhân lĩnh hội (các giá trị vật chất, tư tưởng nền văn hóa, các chuẩn mực hành vi XH)</p> <p>Hoạt động tích cực của cá nhân được quy định ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoạt động nhận thức, thể hiện quá hành động tìm tòi, ham hiểu biết bằng hoạt động tâm trí và cơ bắp tác động vào đối tượng để tìm hiểu nhận thức.</li> <li>+ Hoạt động biến đổi đối tượng</li> </ul> <p>=&gt; 3. Quá trình XHH là kinh nghiệm xã hội</p> <p>Kinh nghiệm xã hội có nhiều quan điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Theo Lecne -&gt; Tri thức và phương thức hành động -&gt; kinh nghiệm thực hiện các phương tiện hành động.</li> <li>-&gt; Kinh nghiệm hoạt động sáng tạo -&gt; kinh nghiệm về thái độ, tình cảm.</li> <li>+ Theo Vugotxki -&gt; Kinh nghiệm kép <ul style="list-style-type: none"> <li>-&gt; Kinh nghiệm lịch sử</li> <li>-&gt; Kinh nghiệm xã hội</li> </ul> </li> </ul> <p>=&gt; 4. Xã hội hóa là giao tiếp và hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ XHH được coi là quá trình ở đó mỗi người chúng ta tiếp nhận (hoặc lĩnh hội) được chính nền văn hóa nơi ta sinh ra.</li> <li>+ Nhờ có quá trình XHH mà mỗi cá nhân tiếp nhận và đạt được những đặc trưng xã hội khác nhau.</li> <li>+ XHH là cách suy nghĩ và ứng xử được coi là thích hợp của mỗi cá nhân trong xã hội</li> <li>+ Theo quan điểm TLH trẻ em.</li> </ul> <p>XHH là quá trình đồng hóa những cá nhân vào các nhóm XH. Trẻ em sinh ra được XHH dần để “trở thành người”.</p>
--	---

<p>Gv: Cho biết những khái niệm cơ bản trong quá trình xã hội hóa? Trình bày cụ thể từng khái niệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khái niệm kinh nghiệm lịch sử xã hội</li> <li>+ Khái niệm lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội</li> <li>+ Khái niệm chuẩn mực xã hội</li> <li>+ Khái niệm thiết chế xã hội</li> </ul>	<p>* Tâm lý học trẻ em và giáo dục học trẻ em lứa tuổi mầm non:</p> <p>XHH là quá trình trẻ em lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử xã hội loài người thông qua các nhóm XH mà trẻ được sinh ra lớn lên ở đó đồng thời là quá trình hành động tích cực thể hiện những đặc trưng XH của mình được coi là thích hợp trong XH tại thời điểm lịch sử nhất định.</p> <p><i>2. Những khái niệm cơ bản trong quá trình xã hội hóa.</i></p> <p>* Kinh nghiệm lịch sử xã hội</p> <p>Là toàn bộ những giá trị vật chất, tư tưởng do con người sáng tạo ra qua các thời kỳ lịch sử, nhờ chúng mà con người và xã hội tồn tại và phát triển.</p> <p>- Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mang tính kế thừa chọn lọc</li> <li>+ Mang tính không ổn định</li> <li>+ Mang tính lịch sử</li> <li>+ Được cá nhân lĩnh hội và sử dụng chúng trong các quan hệ, cải tạo tự nhiên hoàn thiện bản thân mình.</li> </ul> <p>* Lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội là quá trình cá nhân hoạt động tích cực chiếm lĩnh kinh nghiệm lịch sử xã hội, trở thành vốn sống kinh nghiệm tri thức hiểu biết của riêng mình để tồn tại và phát triển trong giai đoạn xã hội nhất định.</p> <p>* Chuẩn mực xã hội: Là những yêu cầu mà cộng đồng xã hội đề ra cho các thành viên của mình, quy định những hình thức vững bền của hoạt động của họ nhằm đạt được những mục đích đặt ra cho cộng đồng đó.</p> <p>* Thiết chế xã hội: Là tổ chức nhất định của hoạt động xã hội và của các quan hệ xã hội, được thực thi bằng hệ thống đã phối hợp của những quy chuẩn về hành vi, chuẩn mực và giá trị được định hướng 1 cách hợp lý.</p> <p>Những yếu tố của hệ thống kiểm soát xã hội, kiểm soát việc thực hiện các chuẩn mực xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tập quán</li> <li>+ Phong tục</li> <li>+ Hình phạt</li> </ul>
---	---

<p>Gv: chia lớp thành 4 nhóm thảo luận</p> <p>Nội dung thảo luận: Các phương thức xã hội hóa</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu về phương thức áp đặt</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu về phương thức giáo dục và hoạt động tích cực của người học</p> <p>Nhóm 3: Phương thức xã hội hóa bằng cách cá nhân tự lựa chọn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giám sát</li> <li>+ Quan hệ xã hội</li> </ul> <p><b>II. Các cơ chế và phương thức xã hội hóa trẻ em</b></p> <p><b>1. Các phương thức xã hội hóa</b></p> <p>Dựa vào quá trình phát triển cá thể theo lứa tuổi.</p> <p>* Phương thức áp đặt (cưỡng bức, cưỡng chế)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lớn và xã hội đặt tên cho trẻ, đây là dấu hiệu xã hội hóa đầu tiên, tên có ý nghĩa tâm lý xã hội nhất định khó thay đổi.</li> <li>- Người lớn, cha mẹ cho trẻ ăn gì? mặc gì? nằm ở đâu? khi còn nhỏ là quyền của cha mẹ. Sự áp đặt khách quan tùy thuộc vào nếp sống, truyền thống và thói quen của mỗi người.</li> <li>- Cha mẹ, người lớn bằng mọi cách áp đặt bắt trẻ phải thực hiện 1 số hành vi sử dụng vật dụng thường ngày.</li> <li>- Sau này lời xưng hô với ông bà, cha mẹ, anh, chị... ra sao người lớn bằng mọi cách khen, chê, động viên khác nhau yêu cầu trẻ thực hiện.</li> <li>- Khi trẻ đi học phát viết theo cách viết của thầy cô, chữ cái phải thuộc lòng, biết cách tính toán, theo cách tính của xã hội.</li> <li>- Học sinh phải tuân thủ lời dạy của thầy cô.</li> <li>- Học ngoại ngữ phải đọc đúng âm.</li> <li>- Nhiều nghi lễ, phong tục, tập quán lâu đời con người rập khuôn làm theo mà nhiều khi không cắt nghĩa được tính hợp lý khoa học.</li> </ul> <p>=&gt; Phương thức này được áp dụng mạnh mẽ trong quá trình XHH khi trẻ còn chưa có ý thức, đang hình thành ý thức. Sau này phương thức này giảm dần khi trẻ đã có ý thức biết lựa chọn.</p> <p>* Phương thức giáo dục và hoạt động tích cực của cá nhân.</p> <p>Đây là phương thức sử dụng khi trẻ có ý thức và diễn ra mạnh mẽ từ khi trẻ 6 tuổi đến 18 tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về phía người lớn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giáo dục thực chất là quá trình tình cảm hoạt động cho học sinh có mục đích, có kế hoạch trong những điều kiện nhất định.</li> <li>+ Nội dung giáo dục:</li> </ul> </li> </ul>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• GD thể giới quan, nhân sinh quan, chính trị, tư tưởng.</li> <li>• Giáo dục đạo đức và pháp luật</li> <li>• Giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề, giáo dục quan điểm yêu lao động, tổ chức học sinh tham gia lao động sản xuất xã hội.</li> <li>• Giáo dục thể chất, vệ sinh, quốc phòng.</li> <li>• Giáo dục thẩm mỹ (nghệ thuật)</li> </ul> <p>- Về phía học sinh:</p> <p>+ Tự nguyện, tự giác, hứng thú đón nhận nội dung giáo dục</p> <p>+ Hoạt động tích cực có ý thức, huy động các giác quan cùng tham gia tiếp nhận nội dung giáo dục.</p> <p>+ Động não, suy nghĩ, tìm tòi, ham hiểu biết, hoạt động tích cực qua các hình thức tự học, làm bài tập, thực nghiệm, thực hành vận dụng.</p> <p>=&gt; Các nhà xã hội học cho rằng phương thức xã hội hóa này giữ vị trí quan trọng trong tiến trình hình “thành nhân”, thành người công dân có ích cho xã hội.</p> <p>* Phương thức XHH bằng cách cá nhân tự lựa chọn.</p> <p>Khi con người đã đạt được mức độ phát triển nhân cách, cá nhân họ tự lựa chọn cho mình cách ứng xử, những tri thức, vốn kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hứng thú cá nhân</li> <li>- Yêu cầu hoạt động nghề nghiệp</li> <li>- Trạng thái sức khỏe</li> <li>- Tình cảm và thị hiếu cá nhân</li> <li>- Sự đòi hỏi của các QHXX.</li> <li>- Định hướng giá trị thay đổi theo lứa tuổi, theo giai cấp, trình độ.</li> </ul> <p>Phương thức này còn gọi là tự giáo dục, tự hoàn thiện mình bằng cách lựa chọn những định hướng giá trị mới, mô hình ứng xử hành vi mới mà không có trường hợp nào dạy cho họ.</p> <p><u>* Kết luận:</u> Ba phương thức trên đan xen với nhau trong quá trình XHH cá nhân đi suốt cuộc đời con người. Tuy nhiên tùy theo lứa tuổi và trình độ, nhận thức, học vấn.. khác nhau mà ưu thế thuộc phương thức này hoặc</p>
--	--

<p>Gv: chia lớp làm 3 nhóm thảo luận nhóm</p> <p>Nội dung: Tìm hiểu về cơ chế tâm lý xã hội hóa cá nhân</p> <p>Nhóm 1: cơ chế nhập tâm</p> <p>Nhóm 2: cơ chế bắt chước</p> <p>Nhóm 3: cơ chế học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận sau đó trình bày kết quả</p> <p>- GV nhận xét và khái quát lại</p>	<p>phương thức khác.</p> <p><b>2. Cơ chế tâm lý xã hội hóa cá nhân.</b></p> <p>* Phương thức luận tiếp cận cơ chế xã hội hóa cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Coi cá nhân như là đối tượng tác động của hệ thống những kích thích tác động từ phía xã hội, con người hình thành lợi ích và quan hệ của mình đối với các mặt nào đó của môi trường bên ngoài. Cá nhân được coi như là hậu quả của những tác động có ý nghĩa xã hội nhất định.</li> <li>- Xuất phát từ bản thân cá nhân và những động cơ bên trong kích thích hoạt động của cá nhân, lựa chọn những giá trị xã hội mà họ tự nguyện chấp nhận.</li> </ul> <p>* Cơ chế tâm lý của quá trình xã hội hóa trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cơ chế nhập tâm: Khi trẻ mới sinh ra chưa có ý thức mà chỉ có sự hoạt động của các giác quan. Sống trong gia đình, giao tiếp cảm xúc với người mẹ, trẻ tiếp nhận hàng loạt những kích thích tác động từ phía xã hội.</li> <li>- Cảm giác áp áp do người lớn quần tã lót cho trẻ, dạy trẻ các hình thức mặc quần áo, giày dép, cách mặc quần áo, đi giày dép.</li> <li>- Cho trẻ bú, cho trẻ ăn người lớn lau mồm, rửa tay... lặp đi lặp lại -&gt; trẻ tự làm. Các hành vi tự phục vụ cầm bát, thìa, đũa... được trẻ nhập tâm một cách vô thức.</li> <li>- Khi mẹ và người lớn giao tiếp với trẻ nhập tâm được cách phát âm, nhập tâm được cách biểu hiện những sắc thái cảm xúc. Nhờ sự phát triển ngôn ngữ mà ý thức được hình thành và phát triển, đánh dấu 1 bước phát triển đặc biệt của quá trình XHH.</li> <li>-&gt; Sự nhập tập thực chất là những kích thích âm thanh, hình dạng đại lượng và màu sắc.</li> <li>=&gt; Cơ chế nhập tâm là quá trình xây dựng những biểu tượng về các SV-HT cũng như các trật tự, các thao tác hành vi khi trẻ tiếp xúc với các SV-HT con người, các quan hệ XH trong quá trình sống và phát triển của trẻ.</li> <li>• Cơ chế bắt chước</li> </ul> <p>Khi ngôn ngữ, ý thức phát triển mạnh cơ chế nhập tâm trong quá trình XHH giảm dần</p>
---	--



	<p>chuyển chỗ cho cơ chế bắt chước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ bắt chước âm thanh, điệu bộ khá sớm từ 2 tháng tuổi.</li> <li>- Trẻ đã sử dụng được ngôn ngữ ở mức độ đơn giản.</li> <li>- Trẻ đã có khả năng làm chủ 1 số hành vi ngôn ngữ, hành vi chân tay, biết tự mình làm 1 số việc theo hướng dẫn chỉ bảo của người lớn.</li> <li>- Sự phát triển cơ thể, các giác quan hệ thần kinh, bộ não và chức năng hoạt động của chúng đã đạt ở mức độ phát triển nhất định giúp trẻ vận động phối hợp hài hòa, hợp lý theo ý muốn của trẻ.</li> <li>- Đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bắt chước ở giai đoạn đầu vai trò của vô thức là chủ yếu, dần dần ý thức tham gia điều chỉnh, điều khiển các thao tác hành vi.</li> <li>+ Bắt chước xảy ra khi trẻ đã có một số thói quen vận động, thói quen phối hợp hoạt động của 1 số giác quan, cử động chân tay.</li> <li>+ Bắt chước thực chất là hành động theo 1 trật tự hành vi đúng mẫu đang xảy ra trong hướng tự giác của trẻ.</li> </ul> </li> </ul> <p>=&gt; Ở mức độ bắt chước trẻ lĩnh hội được rất nhiều đặc trưng XH, thực hiện nhiều hành động XH mà người lớn đang mong chờ, XH tạo điều kiện cho trẻ lĩnh hội và thực hiện tích cực. Nhiều hành vi XH được hình thành ở trẻ trong quá trình XHH bằng cơ chế bắt chước.</p> <p>• Cơ chế học tập:</p> <p>Theo quan điểm TLH hoạt động học bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng của hoạt động học là tri thức, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng với tri thức ấy. Học sinh phải tích cực tiến hành những hoạt động học tập chuyên biệt bằng chính khối óc và bàn tay của mình.</li> <li>- Hoạt động học hướng vào làm thay đổi toàn bộ cấu trúc trí tuệ, tình cảm, ý chí... của mình.</li> <li>- Lĩnh hội, tiếp thu những nội dung hình thức, lý luận của tri thức kỹ năng kỹ xảo xã hội.</li> <li>- Tiếp thu tri thức của bản thân, học tập và hình thành động cơ học tập, mục đích học tập và các hành động học tập phù hợp.</li> </ul>
--	--

<p>- GV thuyết trình - SV lắng nghe và lĩnh hội</p> <p>Gv: Cho biết những đặc trưng xã hội cơ bản mà trẻ đạt được từ 0-6 tuổi. Từ đó hãy rút ra KLSP. Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p>=&gt; Đây là bản chất của hoạt động học.</p> <p>• Kết luận: Trong suốt quá trình phát triển cá thể là quá trình XHH diễn ra với cả 3 cơ chế nhập tâm, bắt chước và học tập ở mỗi lứa tuổi, 1 dạng hoạt động, tùy theo đối tượng, nhiệm vụ hoạt động, hoàn cảnh hoạt động mà ưu thế của cơ chế khác nhau, giúp cho con người thực hiện được tiến trình XHH hợp lý.</p> <p><b>III. Những thành tựu đạt được trong quá trình XHH trẻ em từ lọt lòng đến 6 tuổi.</b></p> <p><b>1. Những tiền đề cần thiết cho quá trình XHH ở trẻ sơ sinh</b> Nhiều học giả nghiên cứu xã hội học có nhận xét rằng tiềm năng XHH của trẻ vừa sinh ra rất lớn, mà tất cả những động cơ mới sinh ra ở bậc thang tiến hóa không có tiềm năng đó. =&gt; Tiền đề VC cho trẻ tiến hành XHH rất phong phú thể hiện ở chức năng hoạt động các giác quan của trẻ, cho phép trẻ dễ dàng tiếp nhận những kích thích âm thanh, ngôn ngữ, màu sắc, đại lượng mùi vị... từ phía XH. Nhiều vận động tinh khéo của đôi bàn tay trẻ làm được mà vượn không làm được mặc dù tháng tuổi và điều kiện như nhau.</p> <p><b>2. Những đặc trưng XH cơ bản mà trẻ đạt được từ 0 – 6 tuổi.</b> * Hệ thống những hành vi ứng xử - Nhu cầu ăn: Trong nhu cầu ăn có nhu cầu đại tiện tiện. - Nhu cầu mặc: Đây là nhu cầu của con người XH - Nhu cầu nghỉ ngơi, ngủ. - Nhu cầu giao tiếp với mọi người, việc thỏa mãn nhu cầu này rất phức tạp. - Nhu cầu nhận thức - Nhu cầu vận động - Nhu cầu vui chơi: Đây là bộ phận quan trọng của nhu cầu vận động - Nhu cầu cảm xúc =&gt; Hệ thống hành vi ứng xử với đồ vật, con người trong các quan hệ XH trẻ đã đạt được những thành tựu nhất định giúp cho trẻ tiếp tục thích ứng được vào lớp 1 và các quan hệ XH phức tạp, đa dạng.</p>
---	--

	<p>* Những định hướng giá trị đạt được ở trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong gia đình: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kính yêu ông bà, cha mẹ, anh chị...</li> <li>+ Biết nhường nhịn em bé</li> <li>+ Giúp đỡ ông bà, cha mẹ, anh chị</li> <li>+ Quý trọng ông bà, cha mẹ, anh chị</li> <li>+ Biết vâng lời ông bà, cha mẹ</li> <li>+ Biết phải hành động như thế nào để trở thành con ngoan.</li> <li>+ Biết giữ gìn vệ sinh thân thể, gia đình.</li> <li>+ Biết giữ gìn, bảo vệ đồ đạc, dụng cụ trong gia đình.</li> <li>+ Biết lễ phép với mọi người.</li> <li>+ Biết sống hòa thuận với mọi người trong gia đình, quan tâm đến mọi người.</li> </ul> </li> <li>- Trong lớp mẫu giáo. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kính yêu cô giáo</li> <li>+ Vâng lời cô giáo</li> <li>+ Biết nhường nhịn trong vui chơi với các bạn.</li> <li>+ Biết quan tâm đến các bạn và mọi người trong nhà trẻ - mẫu giáo</li> <li>+ Biết giúp đỡ trẻ bé hơn mình</li> <li>+ Biết hành động để trở thành bé ngoan.</li> <li>+ Biết vệ sinh cá nhân và môi trường trong lớp, trường.</li> </ul> </li> </ul> <p>=&gt; Những giá trị cơ bản nêu trên có thể khái quát ở lứa tuổi mầm non trẻ cần đạt tiêu chuẩn Con ngoan trong gia đình và bé ngoan ở lớp học theo đúng nghĩa chân chính đích thực giá trị này.</p> <p><u>* Kết luận:</u></p> <p>Như vậy các đặc trưng người được hình thành ở giai đoạn này trở thành bản chất đích thực của con người.</p>
--	---

### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Hãy trình bày những nội dung cơ bản các khái niệm có liên quan đến quá trình XHH.
2. Trình bày các phương thức XHH.
3. Phân tích cơ chế tâm lý của quá trình XHH.
4. Tại sao nói “Nhân cách gốc” của con người được hình thành trong giai đoạn lứa tuổi từ lọt lòng đến 6 tuổi.
5. Đọc trước nội dung chương 3: *Sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ tuổi Mầm non*

## Bài dạy:

### CHƯƠNG 3

## SỰ PHÁT TRIỂN NHU CẦU GIAO TIẾP Ở TRẺ TUỔI MẦM NON

(TS: 04 LT; 01 TH; 01 KT)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết liên quan đến sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ tuổi mầm non

- Những khái niệm chung về giao tiếp
- Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ tuổi nhà trẻ
- Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ tuổi mẫu giáo
- SV nắm vững lý thuyết để làm các bài tập thực hành cuối chương 3.

#### 2. Kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn giáo dục mầm non.
- Rèn luyện và nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

#### 3. Thái độ:

- Có thái độ học tập và ứng xử lành mạnh tích cực.
- Chủ động học tập và nghiên cứu tài liệu.

### B. Chuẩn bị

#### 1. Giảng viên

\* Đồ dùng: Giáo án, sổ kế hoạch

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính: Ngô Công Hoàn (1997), Giao tiếp và ứng xử sư phạm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

- Tài liệu tham khảo

+ Nguyễn Thị Hòa (2013) Giáo dục học Mầm non, NXB Đại học Sư phạm

+ Nguyễn Ánh Tuyết (2008), Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

#### 2. Người học

\* Đồ dùng: Bút, vở ghi

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính: Bất buộc

- Tài liệu tham khảo (nếu có)

### C. Phương pháp, phương tiện dạy học

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trao đổi thảo luận

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nhóm

\* Phương tiện dạy học: Giáo án, sổ kế hoạch.

### D. Nội dung bài giảng

Hoạt động của GV và Người học	Nội Dung
Gv: Trình bày khái niệm chung về giao tiếp ở trẻ tuổi mầm non	<b>Chương 3: Sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ tuổi mầm non</b> <b>I. Khái niệm chung về giao tiếp</b> <b>1. Nhu cầu giao tiếp</b>



<p>Gv: Phương tiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp phi ngôn ngữ có đặc điểm gì? Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p>thể giao tiếp và đối tượng giao tiếp nhận thức được dễ dàng + Ngôn ngữ chung sự đáp trả lại phù hợp với ý cá nhân của chủ thể giao tiếp 1 cách nhanh chóng 4. Đối tượng giao tiếp không ổn định có thể thay đổi Đối tượng giao tiếp là con người nhưng để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp phải là một con người cụ thể, một cá nhân riêng biệt mà có tiếng nói chung, ngôn ngữ chung * Phương tiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp - Căn cứ vào khoảng cách tiếp xúc giữa con người với con người + phương tiện giao tiếp trực tiếp + phương tiện giao tiếp gián tiếp - Căn cứ vào dạng vận động của vật chất hay tinh thần chia làm 2 loại: + phương tiện giao tiếp vật chất + phương tiện giao tiếp tinh thần - Căn cứ vào đặc trưng giao tiếp của con người, có thể chia làm 2 loại: + phương tiện giao tiếp ngôn ngữ + phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ <u>Phân tích</u> - <b>Phương tiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp phi ngôn ngữ</b> + Phương tiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp nguyên sơ nhất của con người là sự tiếp xúc da, thịt của người mẹ với đứa trẻ + Giao tiếp bằng ánh mắt, nụ cười, cử chỉ, điệu bộ, tư thế + Đỉnh cao của giao tiếp phi ngôn ngữ là tổng hợp thành phong cách giao tiếp của con người + Ngoài loại phương tiện phi ngôn ngữ trên còn có các phương tiện phi ngôn ngữ bằng vật chất: đồ trang sức, uân áo, giày dép, mũ nón...thực hiện chức năng: - Phân biệt vị trí xã hội của mỗi cá nhân</p>
--	---

Gv: Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ có đặc điểm gì?

SV: suy nghĩ và trả lời

Gv: Trình bày những điều kiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp?

Sv: suy nghĩ và trả lời

- Phân biệt nghề nghiệp mà con người đang hoạt động
- Tình trạng sức khỏe của cá nhân
- Phản ánh 1 phần nét tính cách của cá nhân
- + Phương tiện vật chất như công cụ lao động, phương tiện đi lại...góp phần trực tiếp hay gián tiếp vào thỏa mãn nhu cầu
- **Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ**
- + Ngôn ngữ bao giờ cũng có 2 nội dung tâm lý đó là nội dung tâm lý cá nhân, nội dung tâm lý xã hội
- + Ngôn ngữ có 2 loại: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
- Ngôn ngữ nói
- + Là phương tiện giao tiếp trực tiếp giữa con người với con người
- + Sự thống nhất hay không thống nhất giữa nội dung tâm lý cá nhân và nội dung xã hội thường bộc lộ qua giọng nói, ngữ điệu, âm sắc...
- Ngôn ngữ viết
- + Là phương tiện giao tiếp đặc biệt của con người, đứa trẻ phải đi học mới biết chữ, là phương tiện giao tiếp gián tiếp
- + Có những quy định về văn phạm, ngữ pháp, thanh điệu giúp cho chủ thể giao tiếp thể hiện được đầy đủ những nội dung của quá trình giao tiếp cũng như sắc thái tâm lý cần thiết
- + Phản ánh một số đặc trưng về phong cách nghề nghiệp, giới tính, cá nhân
- + Có thể lưu trữ lâu dài, mang tính chất “chính thức” được pháp luật bảo hộ
- \* *Những điều kiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp*
- + Những điều kiện khách quan thỏa mãn nhu cầu giao tiếp không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chủ thể giao tiếp
- + Thời gian giao tiếp: nó có ý nghĩa nhất đối với cá nhân, nó mang nội dung tâm lý nhất định

<p>Gv: Cho biết vai trò của nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ?</p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu về vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển thể chất</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu về vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển trí tuệ</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu về vai trò của giao tiếp đối với sự hình thành tình cảm</p> <p>Nhóm 4: Giao tiếp đối với sự hình thành những phẩm chất nhân cách</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không gian giao tiếp <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không gian gia đình</li> <li>• Không gian lớp học</li> <li>• Góc sân mảnh vườn</li> </ul> </li> <li>- Những điều kiện chủ quan: ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu giao tiếp của trẻ, đó là những điều kiện do ý thức, ý muốn của con người áp đặt</li> <li>+ Đối với trẻ, việc thỏa mãn nhu cầu giao tiếp phụ thuộc vào người lớn</li> <li>+ Nhiều hành vi, cử chỉ, dấu hiệu ...biểu hiện ra bên ngoài cần được người lớn quan tâm, chăm sóc</li> </ul> <p><b>3. Vai trò của nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ</b></p> <p><i>* Giao tiếp đối với sự phát triển thể chất</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao tác của người mẹ như bế ẵm, xoa bóp thuận lợi cho sự phát triển thể chất</li> <li>- Sức mạnh của sự tiếp xúc trực tiếp của người mẹ làm cho thể chất của trẻ phát triển</li> <li>- Một bộ phận nào nếu được vận động, hoạt động 1 cách hợp lý thì càng phát triển cả về cấu tạo và chức năng hoạt động</li> </ul> <p>Sự hướng dẫn của cha mẹ, người thân, cô giáo... chỉ có thể dễ dàng được trẻ hưởng ứng bằng cách tiếp thu trực tiếp qua bế ẵm, xoa nắn với lòng yêu thương chân thực.</p> <p><i>* Giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với sự phát triển trí tuệ</li> </ul> <p>Mọi đặc trưng tâm lý người không thể hình thành ngoài giao tiếp với những người xung quanh, nhất là đối với trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết âm thanh, màu sắc, hình dạng, kích cỡ.. phải được người lớn dạy</li> <li>+ Phân biệt được các đồ vật xung quanh để từ đó dạy trẻ cầm nắm, sờ mó..</li> <li>+ Nhận biết, gọi tên, sử dụng ngôn ngữ nói trong giao tiếp với người lớn</li> </ul>
---	--



+ Qua nhiều lần thử sai với đồ vật, trẻ được người lớn dạy cho cách hành động ứng xử phù hợp, tác dụng của đồ vật

=> Từ tri giác đến tư duy thông qua trí nhớ, nhờ nền tảng của chú ý trí tuệ của trẻ ra đời.

- Giao tiếp với sự hình thành tình cảm “phức cảm hơn hờ” là nơi đánh dấu sự phát triển xúc cảm của con người

+ Từ tình cảm mẫu tử, phụ tử... nảy sinh ra nhiều loại tình cảm... bắt nguồn từ gắn bó, tiếp xúc trực tiếp

+ Những rung cảm không thể có được nếu không bắt nguồn từ tiếp xúc “da-thịt” của mẹ. Dần phát triển bền vững thành tình cảm, khi gặp tình huống trong quan hệ phù hợp thì những rung cảm lại xuất hiện

- Giao tiếp với sự hình thành những phẩm chất nhân cách

Mọi phẩm chất nhân cách của con người chỉ được hình thành trong giao tiếp với mọi người

+ Đặc tính trung thực xuất hiện và phát triển

+ Nhiều phẩm chất: Khiêm tốn, kiên trì, nhẫn nại, chu đáo, cẩn thận, tôn trọng của con người, nhân hậu...

+ Giao tiếp giúp trẻ tự khẳng định mình, tự đánh giá mình từ đó làm năng lực phát triển

+ Giao tiếp lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp => nhờ đó nhân cách phát triển thông qua hoạt động nghề nghiệp

+ Lao động không thể thiếu sự hợp tác, thành công trong hoạt động lao động 1 phần quan trọng phụ thuộc vào nghệ thuật giao tiếp với mọi người

=> Kết luận: giao tiếp giữa con người và con người sản sinh ra mô hình nhân cách cho con người trong các quan hệ xã hội khác nhau.

## **II. Sự phát triển nhu cầu giao tiếp**

Gv: Cho biết sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 0-12 tháng?

Sv: suy nghĩ và trả lời

### **của trẻ từ 0-3 tuổi**

#### ***1. Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 0-12 tháng tuổi***

\* Những dấu hiệu của nhu cầu giao tiếp của trẻ đối với người lớn

- Sau khi sinh được 4 ngày trẻ biết nhìn mặt mẹ và mỉm cười

- Xuất hiện những phản ứng đáp trả lại sự tiếp xúc của người lớn

+ Lặng người trước sự giao tiếp thân thương hoặc buồn phiền của mẹ. Đây là phản ứng đầu tiên, đơn giản nhất của trẻ khi mẹ giao tiếp gần bó với con

+ Phản ứng mỉm cười, phản ứng này được phát triển theo các mức độ

- Mỉm cười không mở miệng
- Cười mở miệng nhưng rất yên tĩnh không ồn ào
- Cười thành tiếng, cười hồn nhiên

+ phản ứng bằng âm thanh phát ra từ miệng trẻ. Đây là dấu hiệu quan trọng của phức cảm hơn hờ

+ phản ứng vận động vui nhộn, phản ứng vận động được phát triển ở 3 mức độ

- Vui nhộn nhẹ nhàng- quay đầu mắt nhìn hướng về người lớn, cử động chân tay với nhịp điệu yếu ớt
- Vui nhộn trung bình, chân tay cử động mạnh
- Vui nhộn mạnh mẽ: chân tay khuỵu múa, miệng lúu lô, toàn thân vận động mạnh

-> Đây chính là phức cảm hơn hờ nếu kèm với phản ứng cười thành tiếng xuất hiện ở trẻ từ 3-4 tháng

\* Sự phát triển hoạt động nhận thức dưới tác động của sự giao tiếp của người lớn đối với trẻ.

- Sự giao tiếp trực tiếp của người lớn đối với trẻ thông qua các phương tiện

+ Hành vi ngôn ngữ âu yếm cùng với

GV: Cho biết sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 1-3 tuổi?  
Sv: suy nghĩ và trả lời

cử chỉ bé, ẵm, vỗ về trẻ.  
+ Giao tiếp với trẻ thông qua đồ chơi có màu sắc, hình thù khác nhau.  
+ Bằng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, nụ cười  
- Để phát triển tính tích cực giao tiếp ở trẻ người lớn cần chú ý:  
+ Sự tác động của những cảm xúc dương tính âu yếm, vui tươi, hiền hòa  
+ Với những bài tập kèm theo những cảm xúc vui tươi phấn khích đến với trẻ kích thích trạng thái tỉnh táo và nâng cao trương lực cơ bắp giúp trẻ tích cực tham gia vào tiến trình giao tiếp  
+ Trên nền tảng trạng thái vui mừng, phấn khởi kích thích trẻ chủ động tham gia tích cực vào hoạt động nhận thức những đồ vật xung quanh trẻ.  
**2. Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 1-3 tuổi**  
\* Trẻ từ 12-24 tháng  
- Bắt chước hành vi của người lớn  
- Bắt chước việc nhà với mục đích hợp tác với người lớn  
- Cuối năm thứ 2 trẻ có nhu cầu giao tiếp với bạn bè  
- 12-18 tháng trẻ giao tiếp với người lớn, bạn bè thông qua đồ chơi  
- HĐCĐ là hành động với đồ vật (theo Denver)  
Theo Arnol Gesell:  
+ Trong ứng xử với người lớn trẻ biểu lộ ý muốn riêng của mình, đôi khi phải ép trẻ, trẻ mới làm theo  
+ Trong giao tiếp với mọi người trẻ có phản ứng với lời khen chê của người lớn đã hợp lý  
=> Đặc trưng lớn nhất ở độ tuổi này là giao tiếp với người lớn qua đồ vật làm trung gian (Theo Lexina)  
- Trong hành vi xã hội giao tiếp với người lớn có ít nhất 36 hành vi ứng xử trẻ hướng về phía người lớn được nảy sinh, hình thành và phát triển

Cho biết sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 24-36 tháng?

=> Kết luận: Giao tiếp với người lớn ở độ tuổi này nhờ có đồ chơi là khâu trung gian giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh

-> Mối quan hệ:

Trẻ - đồ chơi- người lớn

Từ giao tiếp trực tiếp cảm -> giao tiếp với người lớn qua đồ vật, đồ chơi, nội dung giao tiếp từ 1-2 tuổi của trẻ mang nội dung mới là giao tiếp cùng nhau hành động

\* Sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ 24-36 tháng

- Đặc điểm cơ bản

+ Từ nhu cầu giao tiếp trẻ - đồ vật – người lớn trẻ bắt đầu hình thành thay đổi đối tượng giao tiếp bằng bạn bè cùng tuổi (sự giao tiếp này chưa thành thạo)

+ Trong giao tiếp với mọi người xuất hiện tính thất thường trong hành vi giao tiếp

- Sợ mẹ vắng nhà, có ý thức về sự xa cách mẹ, người thân, sợ người lạ

- Nhờ có tính chất thất thường mà trẻ nhận thức được những điều cấp ky. Luật chơi được hình thành.

+ Khủng hoảng tuổi lên 3 => đây là hiện tượng tâm lý đặc trưng xuất hiện trong nhu cầu giao tiếp của trẻ

- Sự thay đổi nhu cầu giao tiếp (đối tượng)

Sơ đồ

Trẻ - mẹ (lọt lòng ->6 tháng)

Trẻ - đồ chơi – người lớn (6-24 tháng)

Trẻ - đồ chơi – bạn bè (khủng hoảng)

Trẻ - bạn bè – đồ chơi (25 – 36 tháng)

- Mức độ tích cực giao tiếp ở trẻ

+ Không sẵn sàng giao tiếp (1)

+ Chuẩn bị giao tiếp (2)

+ Sẵn sàng giao tiếp (3)

**III. Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 3-6 tuổi**

**1. Đặc điểm giao tiếp với người lạ**

Từ những tình huống giao tiếp của người lạ, phản ứng giao tiếp của trẻ đối

GV: Cho lớp thảo luận nhóm:

Nội dung thảo luận: Sự phát triển nhu

<p>cầu giao tiếp của trẻ từ 3-6 tuổi</p> <p>Nhóm 1: Đặc điểm giao tiếp với người lạ</p> <p>Nhóm 2: Đặc điểm giao tiếp ứng xử của trẻ đối với các tình huống giao tiếp với người lớn</p> <p>Nhóm 3: Đặc điểm giao tiếp với trẻ cùng tuổi</p> <p>Các nhóm thảo luận và cử đại diện trình bày</p> <p>Giáo viên nhận xét và khái quát lại vấn đề.</p>	<p>với họ có thể khái quát thành 6 loại thái độ giao tiếp ứng xử của trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ không để ý phân biệt đến người lạ</li> <li>+ phản ứng định hướng vào người lạ</li> <li>+ chờ đợi thụ động</li> <li>+ có thái độ phản ứng xúc cảm tích cực</li> <li>+ tích cực tìm cách tiếp xúc với người lạ</li> <li>+ tiếp xúc qua ngôn ngữ nói</li> </ul> <p><b>2. Đặc điểm giao tiếp ứng xử của trẻ 3-6 tuổi đối với các tình huống giao tiếp với người lớn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong hoạt động cùng nhau với người lớn, trẻ quan tâm đến hành động</li> <li>+ Giúp đỡ người lớn</li> <li>+ Yêu cầu người lớn giải thích cho trẻ</li> <li>+ Đồng cảm với người lớn</li> <li>+ Mong được người lớn khích lệ</li> <li>+ Tiếp nhận được những biểu tượng mới về trật tự hành động</li> <li>- Đặc điểm</li> <li>+ Giao tiếp với người lạ giảm dần theo độ tuổi</li> <li>+ Sự mong muốn có ấn tượng mới cao ở 3-4 tuổi</li> </ul> <p><u>Kết luận:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương tiện giao tiếp với người lạ bằng ngôn ngữ của trẻ tăng</li> <li>+ Sự hấp dẫn về các quan hệ người càng ngày càng trở thành mối quan tâm của trẻ</li> <li>+ Những động cơ giao tiếp, ứng xử với người lớn đang hình thành ở trẻ và sự phát triển động cơ đồng cảm với người xung quanh và động cơ cá nhân được phát triển mạnh mẽ</li> </ul> <p>=&gt; Sau khủng hoảng tuổi lên 3 trẻ 5 tuổi trở lại ổn định trong quan hệ với người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xuất hiện 1 số tiêu chuẩn “cấm kỵ” của người lớn về hành vi, cử chỉ, điệu bộ, cách xưng hô, nếp sống và thói quen sinh hoạt</li> <li>+ Trẻ nhận ra được thái độ của người lớn hài lòng, vui hoặc buồn, không vui</li> </ul>
---	---

với những kết quả thực hiện hành vi của trẻ

+ Trẻ đã có những biểu tượng cần thiết trong ứng xử sao cho vừa lòng người lớn và thỏa mãn những nhu cầu ở trẻ

+ Trẻ đã nhận được vị trí của mình trong các quan hệ xã hội

+ Xuất hiện nhu cầu chơi với bạn bè thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

### ***3. Đặc điểm giao tiếp với trẻ cùng tuổi***

\* Trong quan hệ với trẻ cùng tuổi thấy sự thay đổi rõ thái độ

+ Trẻ bắt đầu giải thích, kể cho bạn nghe những điều trẻ đang làm. Lúc này giao tiếp của trẻ là sự hợp tác cùng nhau mà thể hiện sự quan tâm chú ý đến bạn cùng chơi

+ Gọi bạn, phô diễn việc làm cho bạn xem, chưa hợp tác với bạn cùng làm

-> Trong giao tiếp với bạn bè trẻ đã quan tâm chú ý đến bạn, nhưng chủ động hoàn toàn phô diễn những hành vi của mình qua đồ chơi, nhưng chưa cho bạn can thiệp vào công việc của mình.

\* Sự cạnh tranh giữa trẻ với nhau trong những hoạt động chung:

+ Khi chơi với người lạ thì trẻ cố gắng bắt chước cho bằng được những thao tác hành động của người lớn

+ với bạn cùng tuổi trẻ không thêm bắt chước bạn -> đòi, cướp đồ chơi của bạn và thao tác khác bạn nếu là đồ chơi hấp dẫn.

-> Quá trình này xảy ra suốt cả tuổi lên ba, sự cạnh tranh này càng trở nên khốc liệt hơn

\* Từ 4 tuổi trở đi, trẻ nhận ra sự cần thiết của nhóm, tập thể -> Những biểu tượng tập thể dần dần hình thành

+ Những trật tự về hoạt động chung và mục đích, cách thức tổ chức, cách tiến hành dần dần được hình thành như 1 thể thống nhất của biểu tượng tập thể

	<p>+ Trong chơi với bạn vẫn còn thấy nhiều cách ứng xử giả vờ hợp tác của trẻ mà sự trêu chọc vẫn còn xuất hiện</p> <p>* Đến khoảng 5 tuổi bắt đầu xuất hiện những phác thảo của sự hợp tác, phân công đã bộc lộ rõ qua hoạt động vui chơi trong trò chơi “phân vai theo chủ đề” có tính chất tượng trưng.</p> <p>+ Những trò chơi có luật đã được trẻ quan tâm và thực hiện đúng “luật”</p> <p>+ Ban đầu giao tiếp của trẻ cùng lứa tuổi là sự giao ước tay đôi rồi đến tay ba.</p> <p>+ Các động lực thúc đẩy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngôn ngữ phát triển mạnh mẽ</li> <li>• Những xung đột trong giao tiếp với bạn bè vẫn thường xảy ra ở trẻ</li> </ul> <p>* 5-6 tuổi trẻ thể hiện rõ tính độc lập, tự tin, thích nghi xã hội và ham hiểu biết trong hoạt động vui chơi và giao tiếp với mọi người =&gt; trẻ biết bảo ban nhường nhịn, thậm chí còn chăm sóc khi được người lớn giao việc</p> <p>+ Tự nguyện tham gia vào các nhóm bạn bè</p> <p>+ Trong vui chơi trẻ biết cách nhường đồ chơi, biết sử dụng các phương tiện vật chất lôi kéo bạn cùng chơi</p> <p><u>Kết luận:</u> Nhu cầu giao tiếp với bạn bè của trẻ là một quá trình được diễn ra từ 18 tháng tuổi</p> <p>Quan tâm chú ý đến sự có mặt của bạn, phô diễn hành động của mình cho bạn xem, cạnh tranh với bạn 1 loại đồ chơi, thể hiện tinh thần tập thể</p>
<p>GV giao nhiệm vụ cho các nhóm</p> <p>Nhóm 1+ 2. Làm bài 1,2,3 GT tr 131</p> <p>Nhóm 3 + 4. Làm bài 4,5 GT tr 131</p> <p>- SV trao đổi thảo luận làm bài tập thực hành</p> <p>- Hết thời gian thảo luận các nhóm cử đại diện trình bày</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p>	<p><b>Bài tập thực hành (01)</b></p> <p>Làm bài tập tương ứng của chương 3, giáo trình chính, tr 131.</p>

### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Nhu cầu giao tiếp là gì? Phân tích các đặc điểm và điều kiện thỏa mãn nhu cầu giao tiếp
2. Phân tích vai trò nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ
3. Phân tích những đặc trưng giao tiếp của trẻ 3-6 tuổi
4. Sinh viên đọc trước nội dung chương 4: *Những nguyên tắc và phương thức ứng xử giữa cô giáo và trẻ em*



## **Bài dạy:**

### **Phần thứ 3: Ứng xử giữa cô giáo và trẻ em**

#### **CHƯƠNG IV:**

### **NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG THỨC ỨNG XỬ GIỮA CÔ GIÁO VÀ TRẺ EM**

(TS: 05 LT)

#### **A. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức:**

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết của chương.
- + Những nguyên tắc ứng xử của cô giáo khi giao tiếp và ứng xử với trẻ.
- + Những phương thức giao tiếp ứng xử giữa cô và trẻ trong các hoạt động trong ngày ở trường mầm non.

##### **2. Kỹ năng:**

- Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non .
- + Dựa trên nguyên tắc ứng xử của giáo viên với trẻ, sinh viên có kỹ năng giao tiếp với trẻ phù hợp và đạt hiệu quả trong quá trình giáo dục trẻ.
- + Kỹ năng vận dụng các phương thức giáo dục trẻ để phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ ở từng giai đoạn.

##### **3. Thái độ**

- Hăng hái, tích cực, chủ động trong việc học và tìm kiếm nghiên cứu tài liệu học tập.

#### **B. Chuẩn bị**

##### **1. Giảng viên:**

\* Đồ dùng: Giáo án, sổ kế hoạch.

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính: Ngô Công Hoàn (1997). Giao tiếp và ứng xử sư phạm (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).
- Tài liệu tham khảo:
  - + Nguyễn Thị Hòa (2013). Giáo dục học mầm non, NXB Đại học sư phạm.
  - + Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên). Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

##### **2. Người học:**

\* Đồ dùng: Bút, vở ghi.

\* Giáo trình: - Giáo trình chính (Bắt buộc).

- Tài liệu tham khảo (Nếu có).

### C. Phương pháp, phương tiện dạy học

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại.
- Phương pháp thực hành.

\* Phương tiện giảng dạy

Giáo án, sổ kế hoạch

### D. Nội dung bài giảng

Hoạt động của GV và Người học	Nội dung
<p>GV: Kể tên những nguyên tắc ứng xử thường sử dụng trong dạy học ở trường mầm non?</p> <p>Suy nghĩ và trả lời</p> <p>GV: Cho biết nội dung của nguyên tắc yêu thương trẻ như con, em của mình?</p> <p>Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p><b>I. Những nguyên tắc ứng xử</b></p> <p><b>1. Yêu thương trẻ như con, em của mình.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khoảng thời gian chủ yếu trẻ hoạt động tại nhà trẻ. Do vậy những thông tin, hiểu biết, nhận thức về con người, sự vật, hiện tượng chủ yếu do nhà trẻ, mẫu giáo xây dựng, trao cho trẻ.</li><li>-&gt; Tình cảm của con người và trí tuệ của con người phần lớn được xây dựng do cô giáo MN là người thiết kế và thi công.</li><li>- Tiếp xúc của cô giáo với trẻ bằng chính tình yêu thương của người “ruột thịt”. Sự tiếp xúc thể hiện ở cách xưng hô giữa cô và trẻ “Cô – con”.</li><li>+ Cách xưng hô này gợi cho cô những hành vi ứng xử “ruột thịt” với phong cách người mẹ hiền.</li><li>+ Một lời “cầu xin – nhắc nhở” trách nhiệm, bổn phận làm mẹ của các cháu đối với cô. Hãy hành động như một người mẹ đích thực.</li><li>- Những hành vi tiếp xúc của cô vẫn nhằm mục đích thỏa mãn các nhu cầu của trẻ thỏa mãn theo phương thức ruột</li></ul>

GV: Cho biết nội dung nguyên tắc giao tiếp ứng xử với trẻ bằng sự thành tâm, thiện ý của cô giáo?  
SV: suy nghĩ và trả lời.

thịt, mẹ hiền trước một đàn con. Sự ứng xử, sự chăm sóc vừa có tình thương, vừa có sự công bằng.

- Do vốn kinh nghiệm, nhận thức còn ít ỏi trẻ mới chỉ có những biểu tượng tượng về trật tự hành vi, thói quen, nếp sống do cô – mẹ tập cho. Do vậy bằng tình cảm của người mẹ hiền đến với cháu theo những khuôn mẫu hành vi thích hợp.

- Yêu thương trẻ như con em mình, đòi hỏi sự tận tụy và khéo léo, dịu dàng ở cô trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Yêu thương trẻ như con em mình, đòi hỏi cô chăm sóc từng cháu. Cô phần tình cảm, tình thương riêng cho từng cháu một. Nguyên tắc này đòi hỏi cô một sự nhạy cảm, tinh tế trong chăm sóc, dạy dỗ từng cháu.

- Khi tổ chức sinh hoạt cho các cháu thân tình, tạo bầu không khí ấm cúng trong gia đình, mà không phải lớp học cứng nhắc.

=> Kết luận:

Cô giáo luôn có thái độ thành tâm như người mẹ hiền đích thực đối với trẻ từ ánh mắt, nụ cười, hành vi ứng xử phù hợp với khuôn mẫu của người mẹ đối với các con của chính mình.

## **2. Giao tiếp ứng xử với trẻ bằng sự thành tâm thiện ý của cô giáo.**

- Không phải là mẹ sinh ra trẻ do vậy mà ít nhiều cũng thiếu đi một phần “bản năng” nhưng lại có được nhiều đức tính, phẩm chất nghề nghiệp của cô giáo. Lúc cần thiết cô cũng nghiêm khắc, răn đe trẻ phạm lỗi -> hành vi theo KH.

- Lấy thành tâm, thiện ý làm gốc cho hành vi ứng xử của trẻ sẽ tạo ra nhiều biện pháp, phương tiện tiếp cận với cháu sao cho vừa chăm sóc, vừa giáo dục trẻ lên người.

- Sự thành tâm, thiện ý của cô được trẻ “đồng nhất – nhập tâm” qua quá trình

GV: Cho biết nội dung nguyên tắc thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của trẻ?

Sv: suy nghĩ và trả lời

XHH khi tiếp xúc với cô. Đây là cái lỗi của đạo đức, lòng nhân ái.

- Sự thành tâm, thiện ý phải được thể hiện trong cả cái ý và cách thể hiện. Trẻ rất nhạy cảm trong quá trình giao tiếp với trẻ. Chính ND tâm lý của hành vi giao tiếp đòi hỏi sự cố gắng vươn tới toàn tâm toàn ý dành cho trẻ.

- Đến với trẻ, dành mọi suy nghĩ, hành động ưu ái cho trẻ, vì trẻ bảo đảm cho trẻ phát triển tối đa những tiềm năng vốn có ở mức tốt theo KH, theo mục tiêu đào tạo GDMN.

- “Khen nhiều – chê ít”. Ngay khi chê cũng là thiện ý và trẻ nhận ra được sự không hài lòng của cô là mong cho trẻ tốt hơn, ngoan hơn.

=> Kết luận:

Giao tiếp ứng xử với trẻ, cô giáo luôn vì trẻ, lấy trẻ là đối tượng duy nhất mà mọi hành vi, điều bộ của cô tập trung vào trẻ toàn tâm, toàn ý tốt đẹp dành cho cháu.

### **3. Hãy thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của trẻ.**

- TM nhu cầu có 3 mức độ:

+ TM tối đa nhu cầu của trẻ.

+ Thỏa mãn hợp lý.

+ Không thỏa mãn nhu cầu.

- TM hợp lý các nhu cầu cho trẻ chỉ có thể thực hiện tốt trong trường MN. Cô giáo TM nhu cầu của trẻ khách quan hơn mẹ.

TM nhu cầu hợp lý bao gồm:

+ TM nhu cầu hợp lý cho cả lớp theo tiêu chuẩn quy định.

+ TM hợp lý những nhu cầu cho từng trẻ.

- Hợp lý có nghĩa là điều độ, hạn chế việc TM nhu cầu quá mức của trẻ.

- TM nhu cầu hợp lý còn TM hợp lý về đối tượng, phương thức, thời gian TM -> Cô giáo phân phối các ND này phải thật công bằng.

=> Kết luận:

Gv: Cho biết nội dung của nguyên tắc giao tiếp với trẻ bằng những hành vi cử chỉ dịu hiền, nhẹ nhàng cởi mở, vui tươi

Sv: suy nghĩ và trả lời

**Gv: Trình bày nội dung của nguyên tắc dạy – dỗ?**

Sv: Suy nghĩ và trả lời.

TM hợp lý NC cho trẻ chính là tạo tiền đề và là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ.

**4. Giao tiếp ứng xử với trẻ bằng những hành vi cử chỉ dịu hiền, nhẹ nhàng cởi mở, vui tươi.**

- Nguyên tắc này, tạo ra cho trẻ một cảm giác an toàn, yên tĩnh, bình yên, dễ chịu được sống bên cô giáo. Cử chỉ nhẹ nhàng, hiền dịu của cô trẻ mới bộc lộ được tính hồn nhiên, ngây thơ, trong trắng của tuổi thơ.

- Nguyên tắc này luôn nhắc nhở cô lấy xúc cảm chân thực của mình đến với trẻ, xúc cảm chân thực nhưng thiên về tình thương sự nhẹ nhàng và vui tươi, cởi mở, phù hợp với tâm sinh lý của trẻ, gieo vào lòng trẻ những sắc thái cảm xúc tích cực của con người.

## 5. Nguyên tắc dạy – dỗ.

- Cô giáo mầm non vừa che chở, bảo vệ, nuôi dưỡng, dạy trẻ nên người, có ích cho XH.

\* Day:

- Dạy những mẫu hành vi ứng xử cho trẻ bằng nhiều cách:

+ Theo mẫu của cô: Trên lớp cô thật hồn nhiên nhập vai trẻ những lúc cần thiết để trẻ bắt chước. Trước mắt trẻ thơ cô chơi cùng trẻ.

+ Theo mẫu của bạn cùng lớp: Cô chọn và huấn luyện một số cháu theo cô có hành vi mẫu mực trong mọi hoạt động.

+ Theo mẫu hành vi của các nhân vật trong truyện, phim ảnh...những mẫu người tốt, bạn tốt.

- Có nhiều mẫu hành vi ứng xử, những mẫu hành vi này cần thiết dạy trẻ thành thói quen, nếp sống ổn định cho trẻ.

- Dạy trẻ những định hướng giá trị và những hành vi thể hiện sự nhân hậu, khoan dung, chân thực...

\* **Dỗ**

- Trẻ khóc dỗ cho trẻ nín: Trẻ không

<p>Gv: Giao nhiệm vụ cho lớp thảo luận nhóm.</p> <p>Nội dung thảo luận: Những phương thức giao tiếp ứng xử giữa cô và trẻ.</p> <p>Nhóm 1: Phương thức giao tiếp ứng xử của cô – như mẹ hiền.</p> <p>Nhóm 2: Phương thức ứng xử là cô giáo.</p> <p>Các nhóm thảo luận và đưa ra kết quả.</p> <p>Cử đại diện nhóm trình bày.</p> <p>Các nhóm nhận xét và đóng góp ý kiến.</p> <p>Giáo viên khái quát lại.</p>	<p>thỏa mãn nhu cầu nào đó thì thay thế đối tượng thỏa mãn nhu cầu để trẻ nín.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có cá tính không nghe lời cô...cô dỗ dành cháu để cháu làm theo mẫu của cô, của bạn.</li> <li>- Dỗ trẻ để tập cho trẻ một thói quen hành vi tốt nào đó.</li> <li>- Dỗ trẻ là ôm ẵm, xoa nắn, lau rửa sạch sẽ cho trẻ. Dỗ trẻ là nâng niu cháu, đúng nghĩa chăm sóc.</li> <li>- Thông qua dỗ dành trẻ mà dạy trẻ nhờ đó mà phát hiện kịp thời phát hiện những bệnh tật, rồi nhiều ở hành vi, những khiếm khuyết về nhận thức để kịp thời chăm sóc – giáo dục trẻ.</li> <li>- Dạy – dỗ trẻ là một trong những quan điểm nhân sinh của cô giáo ngành MN.</li> </ul> <p>=&gt; Kết luận:</p> <p>Mỗi nguyên tắc có ưu thế tác dụng trong những tình huống tiếp xúc giữa cô và trẻ cụ thể. Song 5 nguyên tắc trên đan xen vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau thống nhất trong một hành vi ứng xử của cô giáo.</p> <p>Mỗi một nguyên tắc có vị trí, vai trò riêng, có nguyên tắc chủ đạo, có nguyên tắc đề cao VT của hoạt động chăm sóc cháu.</p> <p>Mỗi nguyên tắc, mỗi quan điểm nhân sinh chứa đựng 1 ND cụ thể.</p> <p><b>II. Những phương thức giao tiếp ứng xử giữa cô và trẻ.</b></p> <p><b>1. Phương thức giao tiếp ứng xử của cô – như mẹ hiền.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dấu hiệu đầu tiên trong giao tiếp gần bó mẹ - con là sự yêu thương, tình yêu người mẹ, đặc biệt được truyền thống VHVN dành cho khái niệm tình mẫu tử.</li> <li>- Tình yêu thương của mẹ ban đầu trong dòng sữa, tiếp theo nảy nở ở các hành vi ứng xử của mẹ.</li> </ul> <p>=&gt; Ứng xử theo phương thức mẹ hiền của cô giáo MN.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cô không phải là mẹ đích thực nhưng</li> </ul>
---	--

	<p>cô được quyền phân chia tình thương yêu, tình cảm người mẹ trong hành vi ứng xử với trẻ theo phương thức mẹ con. Cô giáo là người mẹ - xã hội đối với trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những đặc trưng giao tiếp ứng xử theo phương thức mẹ hiền.</li> <li>+ Tiếp xúc với trẻ qua xúc giác trực tiếp của cô giáo: <ul style="list-style-type: none"> <li>.) Tiếp xúc này làm nảy sinh những rung cảm cơ bắp, nền tảng của mọi cảm xúc, tình cảm.</li> <li>.) Làm nảy sinh ở trẻ những xúc cảm tích cực và tiêu cực của con người.</li> <li>.) Trẻ có cảm giác được an toàn khi nó nằm trong vòng tay yêu thương.</li> <li>.) Trẻ tiếp nhận được nhiều và dễ dàng chấp nhận khi được ôm ấp, vuốt ve.</li> </ul> </li> <li>+ TM những nhu cầu cơ bản trong những lúc cần thiết cho trẻ.</li> <li>.) Trong các quan hệ chỉ có mẹ mới thỏa mãn tối đa các nhu cầu của con, cả những NC vật chất, tinh thần và đáp ứng đầy đủ, thấu hiểu lòng con.</li> <li>.) Cô giáo mầm non cũng đáp ứng được những nhu cầu cơ bản đúng lúc, kịp thời tạo điều kiện cho trẻ phát triển những tiềm năng về cơ thể và tâm lý một cách thuận lợi.</li> <li>+ Khích lệ, động viên, đánh giá từng thành tích nhỏ của trẻ.</li> <li>-&gt; Khích lệ, động viên giúp trẻ tự tin vào hành vi, cử chỉ của mình và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ tiếp xúc trực tiếp với cô.</li> <li>+ Dành nhiều thời gian chăm sóc từng trẻ một, cố gắng tối đa cho trẻ hội thoại với cô, một cách hồn nhiên.</li> <li>+ Tận tụy vì trẻ.</li> </ul> <p>⇒ Kết luận:</p> <p>Trong các loại tình cảm thì tình cảm mẹ con là thứ tình cảm đặc biệt, không có sự toan tính. Tình yêu của người mẹ không có giới hạn, không có</p>
--	--

luật lệ nào ràng buộc, cô giáo MN lấy tình thương yêu của người mẹ để chăm sóc, giáo dục trẻ nhỏ.

## **2. Phương thức ứng xử là cô giáo.**

Nhiệm vụ của cô giáo MN là “Hình thành cho trẻ những cơ sở đầu tiên của nhân cách con người mới XHCN Việt Nam”.

- Giáo dục lòng thương người biết quan tâm nhường nhịn những người gần gũi, thật thà, lễ phép, mạnh dạn, hồn nhiên.

+ Cô phải làm gương trong hành vi ứng xử để trẻ noi theo.

+ Cô biết tạo tình huống vui chơi sinh hoạt để giúp trẻ bộc lộ tình cảm, giáo viên có thể khen ngợi, uốn nắn cho trẻ.

+ Phải khen ngợi, biểu dương kịp thời. Lấy dư luận tập thể để khen ngợi.

+ Giáo dục tình thương qua các TP văn học – nghệ thuật.

+ Tập cho trẻ biết nhận xét và trải lòng, đồng tình với những hành vi nhân hậu, tôn trọng mọi người.

- Giáo dục yêu cái đẹp, biết giữ gìn cái đẹp và muốn tạo ra cái đẹp ở xung quanh.

- Giáo dục trí tuệ cho trẻ.

+ Giữ gìn vào bảo vệ sạch sẽ các giác quan, kích thích sự hoạt động của các giác quan.

+ Hướng dẫn trẻ biết nhận xét các chi tiết, thành phần, bộ phận của con giống, bông hoa, đồ chơi để phát triển khả năng sáng tạo.

+ Rèn luyện ngôn ngữ.

+ Cho trẻ tiếp xúc với văn học để phát triển năng lực tưởng tượng.

+ Cần cù, tỉ mỉ, tận tụy.

- Cô giáo mầm non là tụ điểm VH, điểm sáng VH, mẫu hình nhân cách cho trẻ nhập tâm, bắt chước và học tập.

=> Kết luận:

- Phương thức giao tiếp ứng xử của cô giáo mầm non trên nền tảng tình yêu



	<p>thương của người mẹ, lấy tình cảm người mẹ làm gốc, làm nền để truyền tải những tri thức khoa học giáo dục MN chăm sóc giáo dục trẻ nên người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo giáo dục đúng với mục tiêu hai phương thức trên luôn thường trực, đan xen, hòa quyện vào nhau vào 1 hành vi ứng xử của cô một cách nhuần nhuyễn, thống nhất.</li> <li>- Phương thức giao tiếp ứng xử của người mẹ và cô giáo là nền tảng quan trọng, là định hướng tư tưởng tình cảm. Thiếu phương thức này hoặc kia sẽ tạo ra một nhân cách trẻ khiếm khuyết mặt này hay mặt khác.</li> </ul>
--	--

#### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Phân tích các nguyên tắc ứng xử của cô giáo mầm non.
2. Vì sao phải thỏa mãn hợp lý những nhu cầu cơ bản của trẻ. Hợp lý bao gồm những tiêu chuẩn gì?
3. Nội dung dạy – dỗ bao hàm những thành phần gì? Vì sao phải sử dụng nguyên tắc này trong giao tiếp ứng xử với trẻ MN?
4. Phân tích ND các phương thức giáo dục.
5. Nêu MQH biện chứng giữa 2 phương thức giao tiếp ứng xử “Mẹ và cô – là 2 mẹ hiền”.
6. Sinh viên đọc trước nội dung chương 5: *Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát triển tình cảm và nhân cách trẻ.*

**Bài dạy:**

**CHƯƠNG V:  
VAI TRÒ CỦA GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ TRONG PHÁT TRIỂN TÌNH  
CẢM VÀ NHÂN CÁCH TRẺ  
(TS: 05 LT)**

**A. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết của chương.

- Một số quan điểm khác nhau về cảm xúc.
- Sự phát triển của cảm xúc ở trẻ mầm non.
- Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát triển xúc cảm và tình cảm của trẻ.
- Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ.

**2. Kỹ năng**

- Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- Nắm bắt được ảnh hưởng cũng như vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát triển tình cảm và nhân cách trẻ.

**3. Thái độ**

- Có hứng thú học tập và tìm kiếm tài liệu.
- Hăng hái, tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

**B. Chuẩn bị**

**1. Giảng viên**

\* Đồ dùng: Giáo án, sổ kế hoạch.

\* Tài liệu

- Giáo trình chính: Ngô Công Hoàn(1997), giao tiếp và ứng xử sư phạm (NXB Đại học QG Hà Nội).

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Thị Hòa (2013), giáo dục học mầm non, NXB Đại học sư phạm.

+ Nguyễn Ánh Tuyết (CB) (2008), Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

**2. Người học:**

\* Đồ dùng: Bút, vở ghi.

\* Tài liệu: Giáo trình chính (Bắt buộc)  
Tài liệu tham khảo (Nếu cần).

**C. Phương pháp, phương tiện dạy học**

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình kết hợp giảng giải

- Phương pháp đàm thoại.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

\* Phương tiện dạy học: Giáo án, sổ kế hoạch.

**D. Nội dung bài giảng**

Hoạt động của GV và Người học	Nội dung
-------------------------------	----------

GV thuyết trình một số quan điểm khác nhau về xúc cảm  
Sv: lắng nghe và lĩnh hội

GV: Phân tích những xúc cảm cơ bản trong năm đầu của trẻ?  
Sv: suy nghĩ và trả lời

## **I. Một số quan điểm khác nhau về xúc cảm.**

\* Cách tiếp cận

- Những rung cảm được con người cảm nhận.

- Quá trình xúc cảm xảy ra cùng với hoạt động thần kinh, nội tiết, hô hấp, tiêu hóa và nhiều bộ phận khác trong cơ thể.

- Những xúc cảm có thể quan sát được do những biểu hiện ở bên ngoài đặc biệt là những biểu cảm trên nét mặt.

\* Xuất phát từ cách tiếp cận có các quan điểm:

- QĐ Thuyết nhận thức về xúc cảm:

Hoàn cảnh tác động làm cho các chức năng sinh lý hoạt động, xúc cảm xuất hiện để đánh giá hoàn cảnh đó. Có nhận thức mới có xúc cảm.

- QĐ sinh lý thần kinh: Xúc cảm xuất hiện khi có kích thích làm thay đổi bề mặt của sợi TK.

- QĐ sinh lý học: William Samer:

Nguồn gốc cảm xúc là sự thay đổi cơ thể sau khi ta tự giác, sự rung cảm xuất hiện sau thay đổi sinh lý đó là xúc cảm.

=> Có nhiều quan điểm, học thuyết khác nhau về xúc cảm của con người mỗi học thuyết chỉ phản ánh được một phần nguồn gốc hoặc ND của xúc cảm

-> Xúc cảm là một hiện tượng tâm lý, sắc thái của xúc cảm rất phong phú và đa dạng nó phụ thuộc vào chủ thể mang xúc cảm. Yếu tố chi phối xúc cảm trực tiếp thuộc về nhận thức của chủ thể.

## **II. Sự phát triển xúc cảm ở trẻ MN**

### **1. Những xúc cảm cơ bản ở năm đầu của trẻ.**

Sau thí nghiệm của Watson ông đưa ra kết luận

- Chỉ có 3 đáp ứng xúc cảm kín đáo có thể nhận biết được ở trẻ em năm đầu sợ, giận và yêu.

Gv: cho biết những cách thức phát triển xúc cảm của trẻ MN.  
Sv: suy nghĩ và trả lời

+ Sợ hãi – bộc lộ với những tiếng hét to và khi làm mất chỗ dựa thân xác.  
+ Giận dữ - có thể gây ra cho đứa trẻ bằng cách giữ chặt không cho nó cử động.  
+ Tình yêu – tạo ra bằng cách vuốt ve sờ mó vào đủ loại các vùng trên cơ thể.  
=>Kết luận: Nguồn gốc đầu tiên của cảm xúc ở trẻ mới chỉ đơn giản ở 3 loại sợ, giận và yêu. Tiếp theo sự phát triển còn tiếp diễn.

## **2. Những cách thức phát triển xúc cảm của trẻ MN**

\* Cách thứ nhất:

Qua giao tiếp với cha mẹ, người lớn xung quanh ta gắn các xúc cảm của trẻ với ngôn ngữ và hành vi ứng xử của người lớn. Cách này được gọi là “Điều kiện hòa các cảm xúc ở trẻ” qua củng cố các hành vi ngôn ngữ và điệu bộ của người lớn trong giao tiếp với trẻ.

\* Cách thứ hai:

Khi thế giới của trẻ được mở rộng (đối tượng tiếp xúc, không gian mới lạ...). Khi nó được điều kiện hòa sợ 1 đối tượng hoặc vui mừng với 1 đối tượng nó sẽ có cảm xúc tương tự nhưng cường độ và mức độ khác nhau.

Đó là sự lan tỏa kích thích làm phức tạp và đa dạng sự phát triển các sắc thái của cảm xúc.

\* Cách thứ 3:

-> Hai cách trên là con đường phát triển cảm xúc trên nền nhận thức cảm tính.

- Khi trẻ đã có một số vốn kinh nghiệm, cùng với sự phát triển ngôn ngữ, trẻ sẽ phản ứng xúc cảm qua các kích thích tượng trưng ban đầu những kích thích tượng trưng kèm với ánh mắt, nụ cười biểu cảm của người thân, người lớn XQ.

- Phản ứng xúc cảm càng phức tạp thêm vì giọng điệu âm thanh ngôn ngữ, các hình ảnh về các SV-HT có trong

Gv: đưa ra những yếu tố tham gia vào quá trình phát triển cảm xúc ở trẻ?  
Sv: suy nghĩ và trả lời

đầu óc trẻ bị biến dạng không như 1 đối tượng cụ thể. Phát triển nhiều khái niệm trừu tượng thuộc phạm trù đạo đức.

### **3. Những yếu tố tham gia vào quá trình phát triển cảm xúc ở trẻ.**

- Yếu tố quyết định: Sự giao tiếp ứng xử dịu dàng thân thương của mẹ, người thân, người lớn, cô giáo mầm non...phù hợp với chuẩn ứng xử đúng vai trò XH của mình đối với trẻ em.

- Bản chất của kích thích gây ra phản ứng xúc cảm.

+ Sự phản ứng xúc cảm phụ thuộc vào kinh nghiệm đã trải qua của con người.

+ Kích thích gây cảm xúc càng ngày càng có ý nghĩa đối với trẻ. Khi nó nhận ra kích thích đó liên quan gì đến sự thỏa mãn hay không TM nhu cầu hoặc đe dọa đến sự an toàn của nó.

- Yếu tố phát triển cơ thể:

+ Mỗi thời kỳ phát triển lứa tuổi các cấu tạo và chức năng cơ thể đều phát triển, chúng tạo ra những nét mới trong hành vi phản ứng của con người.

+ Khi lứa tuổi càng phát triển thì thị lực tăng lên, vốn sống kinh nghiệm cá thể nhiều hơn, tri giác những SV với đầy đủ ý nghĩa hơn.

- Yếu tố vốn kinh nghiệm đã trải qua.

- Sự xuất hiện khả năng biệt hóa các xúc cảm của trẻ.

Sự hưng phấn và lan tỏa giúp trẻ biệt hóa thành xúc cảm dễ chịu và khó chịu.

+ Từ xúc cảm khó chịu đến 3 tháng biệt hóa thành giận giữ, sợ hãi, ghen tởm và ghen tuông.

.) Phản ứng sợ hãi lúc trẻ 7 tháng tuổi.

.) Phản ứng ghen tuông xuất hiện 15 tháng – 19 tháng.

->Cứ như vậy sự biệt hóa các xúc cảm của trẻ tăng dần theo sự phát triển lứa tuổi từ cực khó chịu của cảm xúc.

+ Cảm xúc dễ chịu: Mỉm cười -> cười

thành tiếng “hớn hờ” -> vui mừng  
hung phấn -> xuất hiện dấu hiệu của  
tình yêu, yêu thương.

Sơ đồ:

Hung phấn -> Khó chịu -> Đau buồn ->  
Lo âu, sợ hãi, hồ thẹn...

Đễ chịu -> Khoái cảm -> Vui vẻ, hưng  
phấn...

- Khả năng kìm chế phản ứng cảm xúc
- + Khả năng kiềm chế cảm xúc rất kém.
- + Khả năng kiềm chế phản ứng cảm  
xúc xuất hiện mạnh mẽ ở trẻ khoảng  
24-36 tháng, khi trẻ đã hiểu và biết sử  
dụng ngôn ngữ giao tiếp của người  
thân XQ.

- Cảm xúc chi phối rất mạnh vào quá  
trình nhận thức.

- + Nhận thức của trẻ chủ yếu mang tính  
chất cảm tình, hưng phấn mạnh hơn ức  
chế.

- + Vốn kinh nghiệm sống còn ít ỏi,  
nhận thức còn mang tính cảm tính chủ  
quan, duy ký.

- Quá trình hình thành, phát triển cảm  
xúc của trẻ không ổn định, dễ giao  
động.

- + Sự di chuyển hai quá trình thần kinh  
hung phấn và ức chế rất linh hoạt, dễ  
dàng di chuyển mà hưng phấn mạnh  
hơn ức chế.

- + Tiếp nhận nhiều thông tin nhưng  
chưa đủ vốn sống kinh nghiệm để nhận  
thức sự đối lập, mâu thuẫn -> thoát  
khóc, thoát cười.

- + Những nhu cầu cơ bản của trẻ dễ  
dàng xuất hiện, dễ TM, dễ không được  
thỏa mãn do vậy việc dễ dàng xuất  
hiện các xúc cảm đối lập.

- + Chưa đạt được khả năng kiềm chế  
phản ứng xúc cảm ở mức độ cần thiết  
theo yêu cầu đòi hỏi của người lớn,  
trong các tình huống cụ thể.

**III. Vai trò của giao tiếp, ứng xử  
trong phát triển xúc cảm và tình  
cảm ở trẻ.**

Gv: ý nghĩa của tiếp xúc trực tiếp bằng xúc giác của người mẹ đối với trẻ?

Sv: suy nghĩ và trả lời

### **1. Ý nghĩa của tiếp xúc trực tiếp bằng xúc giác của người mẹ đối với trẻ.**

- Giao tiếp khởi nguồn bắt đầu từ xúc giác da kề da đây là hình thức giao tiếp sơ đẳng, nguyên thủy.

+ Đối với trẻ em, độ nhạy cảm xúc giác cao nhất là qua vùng môi miệng và có độ nhạy cảm cao hơn người lớn do lớp da mỏng.

+ Tiếp xúc của người mẹ với con trong những tháng đầu của cuộc đời chủ yếu bằng bế, ẵm, xoa, nắn. Khi ôm ấp trẻ, người mẹ truyền cho trẻ những cảm xúc thông qua:

.) Áp lực của bề mặt da.

(Mạnh, yếu, nhẹ nhàng, mon man, thoải mái).

.) Nhiệt độ: ấm áp, lạnh lùng.

.) Những thao tác hành vi ôm ấp trẻ: Khéo léo, nhẹ nhàng, mạnh mẽ.

.) Những cử chỉ hôn hít, xoa nắn ở các vị trí khác nhau trên cơ thể trẻ.

=>Người mẹ truyền tâm trạng của mình cho đứa trẻ: Buồn, vui, giận hờn, thờ ơ, lãnh đạm...

+ Sự TM của người mẹ với những đứa con của mình biểu hiện qua cách tiếp xúc như:

.) Áp lực nhẹ nhàng, hôn hít, cộng thêm ngôn ngữ âm thanh êm nhẹ.

.) Nhiệt độ: Nóng ấm.

.) Thao tác hành vi: Nhẹ nhàng, êm ái.

.) Ngôn ngữ nói: Nhẹ nhàng, dịu dàng.

+ Sự không TM của người mẹ

( Thông số ngược lại)

=> Đứa trẻ cảm nhận được những sắc thái, xúc cảm này để hình thành xúc cảm đầu đời của mình. Như vậy từ xúc giác da đứa trẻ như là được “di truyền” tình thương, tình cảm con người từ mẹ.

- Trong tiếp xúc của người mẹ với con, thời điểm mạnh mẽ nhất, ấn tượng nhất chính là thời điểm mẹ cho con bú.

Thông qua bú mút đứa trẻ không chỉ bú bằng sữa mẹ có tính cơ học mà trẻ

<p>Gv: Nêu các phương thức giao tiếp, ứng xử bằng điệu bộ, ánh mắt, nụ cười?</p> <p>Sv: Suy nghĩ và trả lời.</p> <p>GV: nội dung của phương thức giao tiếp bằng điệu bộ</p> <p>Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p>còn uống cho mình những sắc thái rung cảm, xúc cảm giận hờn... của mẹ. Xúc cảm, tình cảm bắt nguồn từ đây.</p> <p>- Sau khi ý thức được hình thành trẻ nhận ra được tốc độ, nhịp điệu, áp lực, thao tác hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ người lớn tiếp xúc trực tiếp với trẻ bằng các phản ứng.</p> <p><b>2. Phương thức giao tiếp, ứng xử bằng điệu bộ, ánh mắt, nụ cười.</b></p> <p>Trong tiếp xúc với trẻ mẹ, người thân cô giáo MN thường biểu cảm qua điệu bộ, ánh mắt, nụ cười.</p> <p><b>*Điệu bộ:</b></p> <p>Sự phát triển tâm lý vận động theo hướng từ đầu đến chân, từ trong ra ngoài, từ vai đến bàn tay.</p> <p>Điệu bộ - là sự vận động của các bộ phận trên cơ thể, theo một định hướng nhất định.</p> <p>- <u>Đầu và cổ:</u> Trán, lông mày, lông mi, hai con mắt, môi miệng và các cơ trên mặt.</p> <p>+ Thai nhi 7 tháng có phản ứng nhăn trán.</p> <p>+ Tuần thứ 3 sau sinh trẻ đã chủ động đưa mắt trao đổi với mẹ qua vận động đôi mắt.</p> <p>+ Mỗi vận động của mắt đều chứa đựng 1 thái độ, một rung cảm nhất định. Cách vận động này do người lớn tiếp xúc giao tiếp với trẻ, rồi trẻ nhập tâm, bắt chước...dần dần tạo thành thói quen.</p> <p>- <u>Môi miệng:</u> Lưỡi, răng.</p> <p>+ Vận động của bộ phận này là bầm sinh.</p> <p>+ Khi tiếp xúc với mẹ qua bú đưa trẻ tiếp nhận những rung cảm dễ chịu hoặc khó chịu của mẹ, để rồi phấn khởi, vui buồn cùng mẹ.</p> <p>.) Giận giữ: Nghiến răng, mím chặt môi, nghiêm nét mặt.</p> <p>.) Sung sướng, TM, dễ chịu thì mỉm cười, cười thành tiếng.</p>
--	--



Gv: cho biết đặc điểm của phương thức  
giao tiếp bằng điệu bộ?  
Sv: suy nghĩ và trả lời

- Sự kết hợp vận động: Trán, mắt, môi  
miệng, mũi, tai, cổ, vận động của các  
cơ trên mặt.  
+ Sự vận động tổng hợp của các bộ  
phận trên tạo thành nét mặt.  
+ Tất cả những điệu bộ này trẻ nhập  
tâm, bắt chước và phản ứng theo người  
lớn, tùy thuộc vào cách ứng xử của mẹ,  
cha, người thân, cô giáo MN.  
- Thân mình và chân tay:  
+ Các tư thế được phát triển trong quá  
trình XHH.  
+ Khi đã nhập tâm, bắt chước, học tập  
được ở người lớn, trẻ sẽ phản ứng  
đúng những điệu bộ này cho cha mẹ,  
người thân... vào những tình huống,  
đối tượng phù hợp nếu được người lớn  
đồng tình trẻ sẽ phản ứng như vậy  
nhiều lần thành thói quen trở thành bản  
chất của cá nhân đó.  
- Toàn bộ đầu mình, chân tay, bộ  
mặt...kết hợp vận động cùng nhau để  
tạo thành một điệu bộ hoàn chỉnh theo  
định hướng có ý thức của con người  
trong giao tiếp ứng xử với người khác  
bao hàm trong đó cái ý và cái nghĩa rõ  
ràng.  
\*Đặc điểm của điệu bộ:  
- Tính chân thực.  
- Tính chất tình huống: phản ứng của  
điệu bộ mang tính tức thời, dễ thay đổi.  
+ Điệu bộ là những vận động của các  
bộ phận trên cơ thể, do vậy việc phản  
ứng có thể là 1 hoặc nhiều bộ phận  
cùng tham gia.  
- Điệu bộ nào cũng mang 1 ND xúc  
cảm nhất định kể cả sự im lặng.  
- Điệu bộ được hình thành và phát triển  
trong quan hệ giao tiếp, ứng xử với  
những người XQ.  
=>Kết luận:  
Điệu bộ là phương tiện biểu cảm rất  
quan trọng của con người, nó được  
hình thành và phát triển trong quá trình  
giao tiếp ứng xử với người lớn xung



	<p>âm từ đơn.</p> <p>Biểu hiện:</p> <p>.) Ban đầu còn nhòe âm, lệch âm song đã biểu cảm với đối tượng cụ thể.</p> <p>.) Nhờ sự phát âm theo người lớn mà trẻ nhanh chóng phát triển từ đơn âm đến 2 âm tiết.</p> <p>-&gt; Khi đã ghép được nhiều âm thanh từ 2 từ thành câu thì ý nghĩa tín hiệu của rung cảm rất phong phú và đi vào các tình huống rất cụ thể, đối tượng cụ thể.</p> <p>+ GD 4:</p> <p>Biểu hiện:</p> <p>.) Cùng với việc hiểu ngôn ngữ của người lớn dần dần trẻ nói được ngôn ngữ của người lớn.</p> <p>.) 18-24 tháng trẻ mới nhắc lại được câu 2,3,4 từ.</p> <p>-&gt;+ Lời nói của trẻ không dừng lại ở tín hiệu biểu cảm mà đã có ND nhận thức ( ý thức đã tham gia vào hành vi ngôn ngữ) phát triển mạnh ở 3-4 tuổi.</p> <p>+ Khi ý thức xâm nhập vào hành vi ngôn ngữ -&gt; trẻ hiểu và sử dụng ngôn ngữ nói trong những tình huống phù hợp.</p> <p>Về BC âm thanh phát ra đã là tín hiệu của xúc cảm ở trẻ rồi nhưng đúng nghĩa rung cảm người phải tính đến việc sử dụng ND ngôn ngữ từ, câu đến diễn đạt xúc cảm của trẻ.</p> <p>=&gt;Kết luận:</p> <p>- Như vậy cả 4 giai đoạn phát triển ngôn ngữ nói ta đều nhận thấy âm thanh ngôn ngữ nói ở trẻ đều mang ND biểu cảm rất rõ rệt, qua cường độ của âm thanh mới chỉ phản ánh những sắc thái xúc cảm đơn giản còn nó được biệt hóa đến mức độ nào thì phải nhờ có sự diễn đạt ngôn ngữ nói mà người lớn dạy cho trẻ.</p> <p>- Sử dụng ngôn ngữ nói trong giao tiếp với những người XQ làm cho cảm xúc nâng dần trở thành tình cảm nghĩa là xúc cảm mang ND nhận thức rõ ràng.</p>
--	--

Gv: Trình bày một số quan niệm về nhân cách?

SV: Suy nghĩ và trả lời

Tuy nhiên các sắc thái xúc cảm dễ dàng thay đổi với tốc độ nhanh với các đối tượng kích thích.

- Ngôn ngữ không chỉ phản ánh nhận thức mà còn phản ánh trạng thái xúc cảm của con người.

- Ngôn ngữ nói phát triển muộn so với xúc cảm trong quá trình phát triển cá thể trẻ. Nhưng sự phát triển này là nền tảng, cơ sở quan trọng để phát triển các đặc trưng tâm lý người, để trẻ hình thành và phát triển nhân cách.

#### **IV. Vai trò của giao tiếp, ứng xử hình thành và phát triển nhân cách trẻ**

##### **1. Một số quan niệm về nhân cách trẻ.**

\* Quan niệm của các nhà tâm lý học Nga trước đây.

NC trẻ em là một bộ phận nhân cách của con người nói chung, nó có đặc trưng cơ bản là thời kỳ hình thành và phát triển là những đặc trưng nhân cách. Có các tiếp cận.

- Xét về cấu trúc nhân cách:

+ Quan điểm coi nhân cách gồm 3 thành phần: Nhận thức, cảm xúc – tình cảm, ý chí.

=> Để hình thành và phát triển 3 thành phần này nhất thiết phải có sự giao tiếp, ứng xử, làm mẫu hoặc trực tiếp bằng học của người lớn đối với trẻ.

+ Quan điểm coi nhân cách gồm 4 tiểu cấu trúc:

. Xu hướng: (Nhu cầu, động cơ, hứng thú, niềm tin, lý tưởng).

. Kinh nghiệm cá nhân: (tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen)

. Đặc điểm các quá trình tâm lý.

. Đặc điểm thuộc tính sinh học quan trọng.

=> 4 tiểu cấu trúc này trong quá trình hình thành và phát triển đến được người lớn xung quanh hướng dẫn, tổ chức, giáo dục.

<p>Gv: vai trò của giao tiếp, ứng xử trong quá trình hình thành nhân cách? Sv: suy nghĩ và trả lời</p>	<p>+ Quan niệm về giáo dục xây dựng nhân cách theo tâm lý học truyền thống qua các quá trình tâm lý dành cho các trường sư phạm.</p> <p>=&gt; Những năng lực này vẫn phải được hình thành phát triển trong giao tiếp, ứng xử với người xung quanh, giúp con người nhận thức được giá trị đích thực của các năng lực đó qua sản phẩm trẻ và người lớn tạo ra.</p> <p>-&gt; Kết luận:</p> <p>Các quan niệm trên đều dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn khác nhau. Tuy nhiên trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non gặp khó khăn nhất định. Do vậy, cũng có thể xét các đặc trưng cơ bản sự phát triển trẻ theo mục tiêu chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non mà khái quát thành các thành phần hướng tới sự phát triển nhân cách con người.</p> <p>*Quan niệm về những đặc trưng cơ bản hình thành nhân cách trẻ MN (từ lọt lòng -&gt; 6 tháng).</p> <p>Những đặc trưng cơ bản hình thành nhân cách trẻ tuổi MN.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ và tên.</li> <li>- Dáng đi thẳng đứng của trẻ và một số tư thế.</li> <li>- Một số hành vi ứng xử của trẻ theo hướng phát triển nhân cách.</li> <li>- Hành vi ngôn ngữ nói.</li> <li>- Ý thức.</li> <li>- Phẩm chất chí tuệ.</li> <li>- Tình cảm.</li> </ul> <p><b>2. Vai trò của giao tiếp, ứng xử trong quá trình hình thành nhân cách.</b></p> <p>*Dáng đi thẳng đứng của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cùng với sự phát triển dáng đi thẳng đứng của trẻ là sự phối hợp vận động của đôi mắt, đôi tay, thao tác tinh khéo xuất hiện cùng với các hành vi người. Những thao tác hành vi này được người lớn hướng dẫn trẻ, trẻ tích cực vận động đón nhận sự hướng dẫn của</li> </ul>
--	---

người lớn trao cho trẻ.

- Các tư thế phát triển cùng với dáng đi thẳng đứng được các bà mẹ , người thân hướng dẫn, tổ chức để sao cho sự phát triển cơ thể, tâm trí tốt nhất.

=> Từ dáng đi, thao tác được hình thành...trẻ nhập tâm, bắt chước theo mẫu giao tiếp, ứng xử trực tiếp với người lớn xung quanh trẻ.

\*Những hành vi của trẻ theo hướng phát triển nhân cách.

- Mẫu ứng xử mỗi loại hành vi được xem đó là chuẩn hành vi XH trong quan hệ người.

- Ngoài những khuôn mẫu hành vi ứng xử theo quan hệ người, còn có mẫu hành vi ứng xử giao tiếp với mọi người qua đồ vật.

- Khuôn mẫu hành vi ứng xử theo quan hệ người trong các tình huống khác nhau.

- Khuôn mẫu hành vi đối với đồ vật.

- Khuôn mẫu hành vi tự phục vụ bản thân...

=> Có rất nhiều khuôn mẫu, chuẩn mực hành vi trẻ phải được giao tiếp ứng xử cùng với người lớn, bạn bè xung quanh với mức độ tích cực đến say mê thì mới trở thành ổn định, bền vững và đó là quá trình tự xây dựng nhân cách gốc của mỗi người.

\*Ngôn ngữ nói:

- Ngôn ngữ nói đặc trưng chỉ ở người và chỉ trong giao tiếp ứng xử với mẹ những người thân, gần gũi với trẻ, trẻ mới nhập tâm, bắt chước và học tập được.

\* Ý thức:

- Được hình thành trong giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh.

- Năng lực làm chủ bản thân được hình thành trong quan hệ với cha mẹ, người thân xung quanh.

- Ý thức tín ngưỡng của trẻ, sớm được hình thành ở trẻ qua các hành vi.

**\* Trí tuệ:**

- Năng lực phát triển nhanh các dấu hiệu của đối tượng hoạt động theo nhiệm vụ hoạt động. Để có năng lực này người lớn đã nhiều lần tổ chức, hướng dẫn trẻ vui chơi, tìm hiểu đối tượng..
- Nhớ nhanh, chính xác các tính chất đặc điểm, dấu hiệu ...-> GV, người lớn giao việc, tổ chức nhiều lần dần dần trẻ nhớ trở thành thao tác trí tuệ.
- Thiết lập các mối quan hệ giữa các chi tiết thành phần của sự vật, hiện tượng -> Người lớn cần tổ chức giới thiệu các loại đồ chơi cho trẻ.
- Tập trung chú ý cao, dễ dàng di chuyển chú ý...-> Người lớn cần phải thay đổi đối tượng hành động cho trẻ hợp lý.
- Việc sử dụng thao tác nhớ và tư duy để giải quyết các nhiệm vụ -> GV cần tạo nhiều tình huống hứng thú, thu hút trẻ tự nguyện tham gia, tự giải quyết các tình huống đó.

**\* Tình cảm:**

- Là đặc trưng nhân bản của con người, sự định hướng phát triển nhân cách sau này, tình cảm luôn giữ vai trò chi phối các hành động giao tiếp ứng xử trong quan hệ người.
  - Hướng dẫn biểu hiện các sắc thái cho trẻ là một phương thức quan trọng trong xây dựng tình cảm ở trẻ.
  - Khi đánh giá nhân cách người ta thường quan tâm đến tình cảm và trí tuệ của mỗi người. Hai đặc trưng cơ bản này có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ nhân cách con người sau này.
- => Kết luận.
- Những đặc trưng cơ bản của nhân cách được trẻ hình thành, phát triển và biểu hiện đầy đủ trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.
  - Quá trình xây dựng nhân cách gốc ở trẻ, tùy thuộc phần lớn vào quá trình

	giao tiếp, ứng xử của cha mẹ, cô giáo MN và những người gần gũi trẻ.
--	--

### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Phân tích các cách thức và các yếu tố tham gia vào quá trình phát triển cảm xúc ở trẻ MN.
2. Phân tích những đặc điểm phát triển cảm xúc ở trẻ.
3. Vai trò của ngôn ngữ nói trong quá trình phát triển cảm xúc của trẻ.
4. Trình bày một số quan điểm về nhân cách và những đặc trưng cơ bản nhân cách trẻ.
5. Vai trò của giao tiếp, ứng xử của cô giáo MN trong quá trình hình thành, phát triển nhân cách của trẻ.
6. SV đọc lại toàn bộ lý thuyết chuẩn bị cho giờ học ***Thực hành: Giao tiếp và ứng xử sư phạm.***



## **Bài dạy:**

### **Chương V (Tiếp theo) THỰC HÀNH GIAO TIẾP (TS: 05)**

#### **A. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Nắm vững lý thuyết để đưa ra các cách xử lý tình huống trong giao tiếp và ứng xử.
- Có được những kiến thức thực tế về giao tiếp và ứng xử sư phạm giữa giáo viên và trẻ.

##### **2. Kỹ năng**

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề tình huống giao tiếp, ứng xử sư phạm.
- Rèn luyện tác phong nghiệp vụ sư phạm.
- Phát triển khả năng khai thác tìm kiếm, xử lý tình huống.

##### **3. Thái độ**

- Tích cực, chủ động giải quyết các tình huống sư phạm trong giao tiếp và ứng xử sư phạm.
- Hăng hái, nhiệt tình, đoàn kết trong hoạt động nhóm.

#### **B. Chuẩn bị**

##### **1. Giảng viên**

\*Đồ dùng: Giáo án, sổ kế hoạch

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính: Ngô Công Hoàn (1997). Giao tiếp và ứng xử sư phạm (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Thị Hòa (2013). Giáo dục học mầm non, NXB Đại học sư phạm.

+ Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên). Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

+ Lê Thu Hương (CB) (2010). Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường Mn theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi. NXB giáo dục Việt Nam.

\*Nội dung thực hành:

Một số tình huống giao tiếp và ứng xử

##### **2. Người học**

\*Đồ dùng: Bút, vở ghi.

\* Tài liệu:

- Giáo trình chính (bắt buộc)
- Giáo trình, tài liệu tham khảo.
- Nội dung tình huống giao tiếp, sư phạm.

#### **C. Phương pháp phương tiện dạy học**

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thực hành.
- Phương pháp thảo luận nhóm tích cực.
- Phương pháp thuyết trình.

\* Phương tiện dạy học: Giáo án, sổ kế hoạch.

#### **D. Nội dung bài giảng**

<b>Hoạt động của GV và Người học</b>	<b>Nội dung</b>
<p>GV đọc nội dung thực hành cho các nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- SV ghi chép lại, thảo luận, cử đại diện trình bày</li><li>- GV nhận xét, chốt lại vấn đề</li></ul>	<p><b>Nội dung thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nội dung 1: Lựa chọn và đưa ra các cách giải quyết phù hợp. + Để tiếp xúc với bé Vân Anh (bé gái 3 tuổi) chưa quen biết, các bạn hãy đưa ra cách tiếp cận với bé. + Bố Quang Lâm mua cho bé một quả bóng bé thích lắm, bé đá bóng bất kỳ lúc nào, nơi nào bé thích. Một hôm khách đến nhà, bố và khách đang ngồi nói chuyện. Bỗng choang một tiếng rồi rào rào...quả bóng nằm gọn trong tủ ly. Bạn sẽ phản ứng như thế nào? + Tuấn Tú 5 tuổi đi đến vặn nút can xăng, lỏng ngóng tay chân em đánh đổ can nhưng may mà xăng chưa ọc ra. Là mẹ bạn sẽ phản ứng như thế nào? =&gt; Thực hiện: - Đưa ra các cách giải quyết. - Lựa chọn cách giải quyết thích hợp? Lý do tại sao chọn tại sao không ? ND 2 : Tạo dựng tình huống sư phạm. Nội dung 3: Giải quyết các tình huống. + Bé Trọng Thành 4 tuổi lăn ra khóc đòi mẹ mua cho khẩu súng nhựa như bạn Cường nhà bên. Là mẹ bạn phản ứng như thế nào? + Trong nhà trẻ các cháu khóc nhiều cháu thì ị ra cũi, cháu thì khóc vì kẹt tay vào khe cũi, cháu thì mặt mũi nhem nhuốc, cháu thì khóc đòi ăn. Bạn sẽ chọn cách xử lý như thế nào. Vì sao? + Lan Anh và Hoa đang tranh nhau một con búp bê. Là cô giáo em sẽ xử lý như thế nào? =&gt; Thực hiện: - Đưa ra các cách giải quyết mà các bạn biết. - Lựa chọn cách giải quyết phù hợp.</li></ul>

	<p>Trình bày lý do chọn và không chọn cách giải quyết này?</p> <p>Nội dung 4: Tạo dựng tình huống sư phạm</p> <p>Nội dung 5: + Cường và Tuấn Anh đang đánh nhau rất hăng. Là cô giáo bạn sẽ lựa chọn cách giải quyết nào? + Là cô giáo mới, được phân công dạy mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi). Lần đầu tiên tiếp xúc bạn chọn cách tiếp xúc và làm quen với các cháu như thế nào? + Đến giờ ăn, Minh Thu ngồi nhìn các bạn ăn mà cháu không ăn, mặt buồn xịu xuống. Là cô giáo bạn xử lý tình huống này như thế nào? Và thường hay xảy ra tình huống gì kèm theo? =&gt;Thực hiện: - Đưa ra các cách giải quyết. - Lựa chọn cách giải quyết tốt nhất. Giải thích lý do.</p> <p>Nội dung 6: Trong giờ làm quen với tác phẩm văn học (dạy trẻ kể chuyện), cô đang say sưa kể chuyện cho trẻ nghe, bỗng một bé kêu đau bụng và khóc rất to... =&gt;Thực hiện: - Đưa ra các cách giải quyết. - Lựa chọn cách giải quyết tốt nhất. Giải thích lý do.</p>
--	---

#### **E. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

1. Phân tích nguyên tắc ứng xử “yêu thương trẻ như con, em của mình”
2. Trình bày những yếu tố tham gia vào quá trình phát triển xúc cảm ở trẻ
3. Sinh viên chỉnh sửa bài thực hành theo nhận xét, góp ý của giáo viên.
4. Ôn tập các chương đã học để chuẩn bị thi học kì.